

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VÀ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2015	2
CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2015.....	3
PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG	4
Thông tin khái quát.....	4
Quá trình hình thành và phát triển	4
Ngành nghề kinh doanh.....	5
Mạng lưới kinh doanh	6
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	11
Định hướng phát triển giai đoạn 2016 – 2017.....	18
Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng	18
Các rủi ro	18
PHẦN II – QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	19
Thông tin cổ phiếu.....	19
Cơ cấu cổ đông	19
Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	19
Các đợt phát hành chứng khoán trong năm 2015.....	20
PHẦN III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016.....	20
Tổng quan thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ năm 2015 và dự báo năm 2016	20
Kết quả kinh doanh của Bảo Long năm 2015	21
Những cải tiến về tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2015.....	25
Kế hoạch kinh doanh năm 2016.....	27
PHẦN IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	28
Đánh giá hoạt động của Bảo Long.....	28
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....	28
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2016	29
PHẦN V – BÁO CÁO HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	30
Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	30
Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan	31
Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.....	34
PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác,

Cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015, thị trường bảo hiểm tiếp tục tăng trưởng tích cực, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 32,038 tỷ đồng, tăng 17,18% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long) đạt 567 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 20,2 tỷ đồng, hoàn thành 116% so với kế hoạch.

Năm 2015, Bảo Long kỷ niệm 20 năm thành lập và sự kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) trở thành cổ đông chiến lược đánh dấu một giai đoạn phát triển mới. Với diện mạo mới, hiện đại, chuyên nghiệp và tinh thần quyết tâm cao của toàn thể CBNV, Bảo Long đang ngày càng phát triển và hướng đến mục tiêu trở một trong những Doanh nghiệp Bảo hiểm hoạt động hiệu quả nhất thị trường.

Theo đó năm 2015, Bảo Long đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động tại Trụ sở chính; chuẩn hóa mô hình của các đơn vị thành viên; hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 403,614 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng; tăng cường công tác quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát công nợ nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, việc SCB - một ngân hàng lớn hội tụ đầy đủ các tiềm lực về tài chính, quy mô tổ chức, kinh nghiệm quản trị và hệ thống khách hàng rộng khắp cả nước tham gia làm cổ đông chiến lược đã góp phần tạo nền tảng vững chắc để Bảo Long tiếp tục phát triển và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu rộng khắp. Với hệ thống mạng lưới trải dài khắp các Tỉnh, Thành phố gồm 01 Văn phòng đại diện, 34 Công ty thành viên trực thuộc và phương châm “Đồng hành, đồng chia sẻ” với khách hàng, đội ngũ nhân viên tận tình và chuyên nghiệp của Bảo Long luôn sẵn sàng tư vấn và mang các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm tốt nhất và phù hợp theo nhu cầu đến từng đối tượng khách hàng.

Để nâng cao hơn nữa năng lực tài chính, năm 2016 Bảo Long dự kiến tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ đồng. Ngoài ra, việc tập trung phát triển một số đơn vị mũi nhọn, đầu tàu chuyên triển khai các dự án lớn và dự án chuyên sâu, làm nền tảng cho việc nhân rộng trong toàn hệ thống cũng sẽ được Bảo Long đặc biệt chú trọng. Để đạt được những mục tiêu và kế hoạch đề ra của năm 2016, Hội đồng Quản trị Bảo Long cam kết sẽ có những chỉ đạo sâu sát, toàn diện và hành động kịp thời, từng bước khẳng định vị thế mới của Bảo Long, cũng như duy trì và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Bảo Long, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc và lời chúc sức khỏe đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác đã đồng hành cùng Bảo hiểm Bảo Long trong suốt thời gian qua.

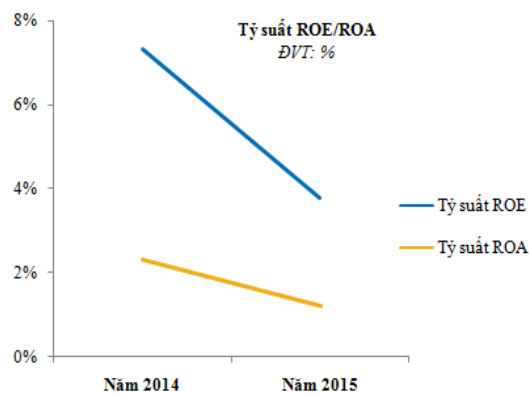
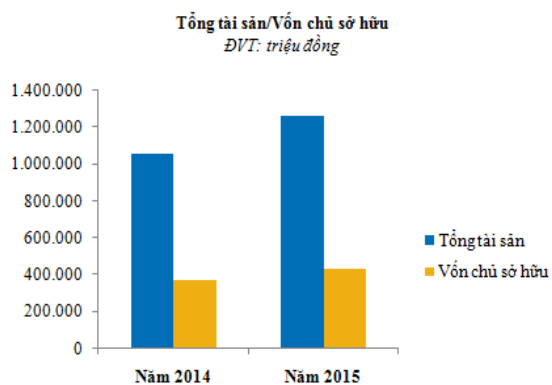
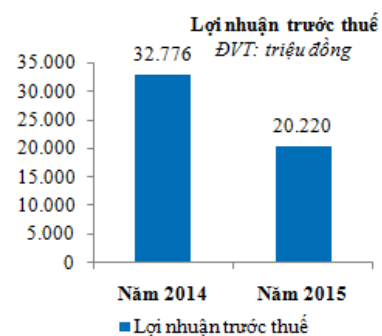
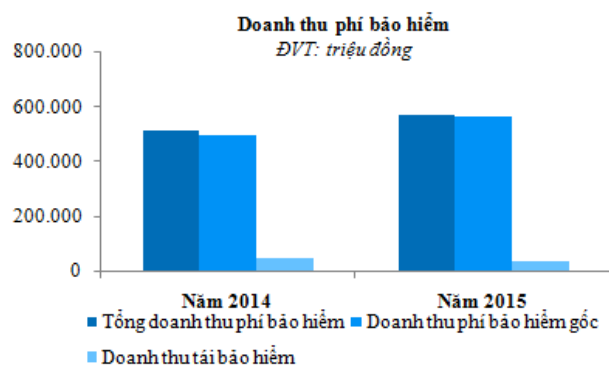
CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VÀ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2015

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh: thành lập Bảo Long Thanh Hóa, Bảo Long Thái Nguyên, Bảo Long Bến Thành, Bảo Long Bình Định, Bảo Long Phú Thọ, Bảo Long Bình Thuận, Bảo Long Quảng Ngãi, Bảo Long Cà Mau, Bảo Long Tân Sơn nhất. 9 Công ty thành viên này cùng với 4 Công ty thành viên thành lập thêm trong Quý 1-2016 đã nâng tổng số Công ty thành viên của toàn hệ thống lên 34 đơn vị.
- SCB và Bảo Long ký kết hợp tác toàn diện
- Ký kết biên bản ghi nhớ với LienvietpostBank liên kết cung cấp sản phẩm bảo hiểm cho cây Mắc ca
- Bảo Long tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm thành lập
- Ký kết triển khai Bancassurance với TP Bank
- Bảo Long đưa cổ phiếu niêm yết trên sàn Upcom
- Tăng vốn điều lệ từ 403.614 triệu đồng lên 500.000 triệu đồng để nâng cao năng lực tài chính.
- Bảo Long đạt danh hiệu dịch vụ Bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015 do tạp chí Global Banking & Finance Review của Anh bầu chọn.
- Đề ghi nhận những đóng góp tích cực của Bảo Long trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường Bảo hiểm, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm đã quyết định trao tặng bằng khen cho Bảo Long và các công ty thành viên.
- Chủ tịch UBND TP. HCM trao tặng bằng khen “Đơn vị có thành tích xuất sắc trong kinh doanh Bảo hiểm và thực hiện tốt công tác từ thiện xã hội liên tục trong nhiều năm, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố” cho Bảo Long. Có thể nói đây là những món quà tinh thần có ý nghĩa hết sức to lớn để Bảo Long có thêm động lực phấn đấu trên những chặng đường tiếp theo.

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2015

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	1.058.796	1.259.897
Vốn chủ sở hữu	374.134	436.517
Tổng doanh thu phí bảo hiểm	515.224	572.729
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu phí bảo hiểm gốc	498.875	567.260
- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	48.226	35.218
Doanh thu tài chính	56.824	68.786
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	172.978	207.510
Tổng lợi nhuận kế toán	32.776	20.220
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,04	1,07
- Hệ số thanh toán nhanh	1,04	1,07
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,65	0,65
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,83	1,89
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
- Tỷ suất ROE	7%	4%
- Tỷ suất ROA	2%	1%



PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**
- Tên tiếng anh : Bao Long Insurance Corporation
- Tên giao dịch : Bảo hiểm Bảo Long
- Tên viết tắt : Bảo Long
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH do Bộ Tài chính ngày 15/4/2014 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép số 71GP/KDBH ngày 15/04/2014.
- Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
- Số điện thoại : 08 38 239 219
- Số fax : 08 38 228 967
- Website : baohiembraolong.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995 với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng. Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 05TC/GCN.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long). Với 20 năm hoạt động và phát triển, đến nay Bảo Long đã có mặt rộng khắp các tỉnh thành với 01 văn phòng đại diện, 34 công ty thành viên trực thuộc trải đều từ Bắc tới Nam. Ngoài ra, Bảo Long có 659 đại lý bảo hiểm đưa sản phẩm bảo hiểm tới tận tay người có nhu cầu bảo hiểm, tuyên truyền giải thích tư vấn cho khách hàng tham gia bảo hiểm. Hoạt động của Bảo Long ngày càng được chuẩn hóa, đầu năm 2010, Bảo Long đã được tổ chức United Registrar of Systems (URS) của Anh quốc cấp giấy chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008.

Để nâng cao năng lực hoạt động, ngày 28/03/2016 Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 403.614.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng.

Theo thời gian, bằng uy tín của mình, Bảo Long đã xây dựng được mối quan hệ tốt với những tập đoàn bảo hiểm, tái bảo hiểm hàng đầu thế giới như: Munich Re – Singapore, CCR – France, ACR – Singapore, Swiss Re – Malaysia ... với năng lực tài chính, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm và mạng lưới chi nhánh trải dài khắp các tỉnh, thành phố, Bảo Long có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Với phương châm **“Đồng hành, đồng chia sẻ”** Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...

3. Ngành nghề kinh doanh

Bảo Long đã không ngừng xây dựng và cải thiện các sản phẩm bảo hiểm của mình nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đa dạng của mọi đối tượng khách hàng. Cho đến nay, với hơn 100 sản phẩm khác nhau, Bảo Long đã cung cấp tất cả sản phẩm bảo hiểm và tái bảo hiểm cho thị trường trong nước và quốc tế, bao gồm các nhóm sản phẩm bảo hiểm:

- Bảo hiểm tài sản kỹ thuật
- Bảo hiểm hàng hóa, tàu thuyền
- Bảo hiểm sức khỏe, con người
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt
- Bảo hiểm xe máy, xe ô tô...

Mạng lưới kinh doanh

Tính đến thời điểm hiện tại tại Bảo Long có 34 công ty thành viên, 01 Văn phòng đại diện với mạng lưới trải đều khắp cả nước.



Văn phòng đại diện Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại Hà Nội

- Địa chỉ: 74 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 37 824 480 Fax: (04) 37 824 481

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Hà Nội

- Địa chỉ : 05 Bis, Tổ 9, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 37 629 070 Fax: (04) 37 629 045

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Thăng Long

- Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà VINAHUD, Đường Trung Yên 9, khu đô thị Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

• Điện thoại: (04) 37 835 574 Fax: (04) 37 835 575

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Thủ Đức

- Địa chỉ: 74 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

• Điện thoại: (04) 37 824 330 Fax: (04) 37 824 331

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Hải Phòng

- Địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà Trung tâm Thương mại Cát Bi Plaza, số 01 Lê Hồng Phong, P. Lạc Viên, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

• Điện thoại: (0313) 686 999/777/555 Fax: (0313) 686 888

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh

- Địa chỉ: 536 Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh

• Điện thoại: (033) 3 815 185 Fax: (033) 3 815 285

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Thái Nguyên

- Địa chỉ: 136B Tổ 7 Phan Đình Phùng, Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

• Điện thoại: 0280.365.1115 Fax: 0280.365.1113

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Phú Thọ

- Địa chỉ: Tòa nhà MB, Số 1596, Đường Hùng Vương, P. Gia Cẩm, Tp. Việt Trì, T. Phú Thọ

• Điện thoại: 0210.3652.999 Fax: 0210.3652.288

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Khu vực Bắc Trung Bộ

- Địa chỉ: 2 Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, Nghệ An

• Điện thoại: (038) 35 753 68 Fax: (038) 35 752 68

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Khu vực Trung Bộ

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà 78 Bến Nghé, phường Phú Hội, Tp. Huế

• Điện thoại: (054) 39 782 88 Fax: (054) 38 790 99

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đà Nẵng

- Địa chỉ: 45 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

• Điện thoại: (0511) 3 840 890 Fax: (0511) 3 840 656

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Phú Yên

- Địa chỉ: 242-244-246 Hùng Vương, TP. Tuy Hòa, Phú Yên

- Điện thoại: (057) 3 821 979 Fax: (057) 3 810 409
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Thanh Hóa
- Địa chỉ: 474 Bà Triệu, P. Trường Thi, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
 - Điện thoại: 037.3855.658 Fax: 037.3859.658
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bình Định
- Địa chỉ: 32 Hoàng Văn Thụ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 - Điện thoại: 056.384.6350 Fax: 056.384.6380
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ngãi
- Địa chỉ: 63-65 Đường Lê Lợi, Tp. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi
 - Điện thoại: 055.6272.191 Fax: 055.3836.181
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Khánh Hòa
- Địa chỉ: 118 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
 - Điện thoại: (058) 3 515 229 Fax: (058) 3 515 209
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Khu vực Tây Nguyên
- Địa chỉ: 161 Ngô Quyền, phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột
 - Điện thoại: (0500) 8 553 789 Fax: (0500) 3 968 768
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bình Thuận
- Địa chỉ: 364 Đường Trần Hưng Đạo, P. Đức Thắng, Tp. Phan Thiết, T. Bình Thuận
 - Điện thoại: 062.650.7979 Fax: 062.625.3179
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Lâm Đồng
- Địa chỉ: 2F Đường Ba Tháng Tư, P.03, Tp. Đà Lạt, T. Lâm Đồng
 - Điện thoại: 063.3837.568 Fax: 063.3837.268
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Gia Lai
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà số 78 Hai Bà Trưng, P. Yên Đỗ, Tp. Pleiku, T. Gia Lai
 - Điện thoại: 0593.829767 Fax: 0593.714243
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Vũng Tàu
- Địa chỉ: Tầng 4-5 Tòa nhà số 89 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu.
 - Điện thoại: (064) 3 591 033 Fax: (064) 3 591 932
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bình Dương
- Địa chỉ: 126 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, TX. Thủ Dầu Một, Bình Dương
 - Điện thoại: (0650) 3 837 108 Fax: (0650) 3 837 109

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đồng Nai

- Địa chỉ: 176 Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3822 112 Fax: (061) 3822 966

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Sở giao dịch Bảo Long

- Địa chỉ : Lầu 3, 185 Điện Biên Phủ, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (08) 38 239 219 Fax: (08) 38 273 051

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn

- Địa chỉ: 449 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3920 2288/4560 Fax: (08) 3920 4556

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà số 50bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38 239 219 Fax: (08) 38 225 691

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Gia Định

- Địa chỉ: 94 Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 35 264 405 Fax: (08) 35 261 158

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Nam Sài Gòn

- Địa chỉ: 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. HCM
- Điện thoại: (08) 38 537 990 Fax: (08) 38 536 079

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành

- Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà 242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Q1, TPHCM
- Điện thoại: 0280.365.1115 Fax: 0280.365.1113

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn

- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà số 50bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q.1, Tp. HCM
- Điện thoại: 08.3827.9478 Fax: 08.3823.9254

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Tân Sơn Nhất

- Địa chỉ: 402B Đường Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
- Điện thoại: 08.3990.3117 Fax: 08.3990.3117

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Long An

- Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa nhà số 60 Nguyễn Trung Trực, Phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An

- Điện thoại: (072) 3 550 677

Fax: (072) 3 550 477

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Cần Thơ

Địa chỉ: 19 - 21A Võ Văn Tần, P.Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

- Điện thoại: (0710) 3 834 117

Fax: (0710) 3 766 466

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Cà Mau

- Địa chỉ: 137 Đường Nguyễn Tất Thành, P.8, Tp.Cà Mau, T.Cà Mau

- Điện thoại: 0780.3520.557

Fax: 0780.3520.556

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Kiên Giang

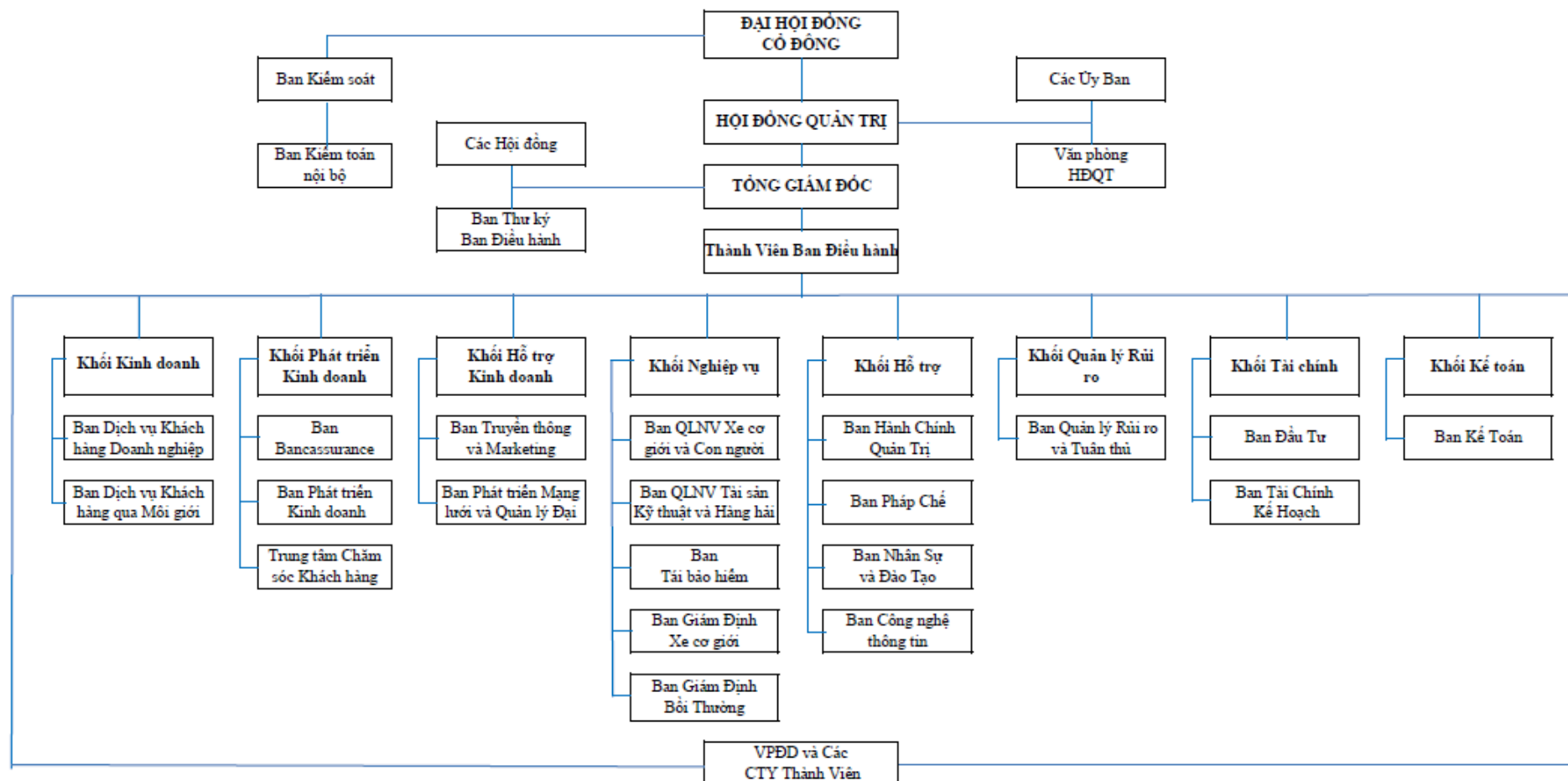
- Địa chỉ: L7-12 Đường Trần Quang Khải, P.An Hòa, Tp.Rạch Giá, T.Kiên Giang

- Điện thoại: 0773.7777.92

Fax: 0773.7777.93

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý



4.2. Thông tin về Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thành Long

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp ngành Kinh tế thương mại Trường Đại học Vạn Hạnh, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long có hơn 40 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại dịch vụ. Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC). Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long tham gia vào HĐQT Bảo Long với tư cách là thành viên HĐQT độc lập và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Bảo Long. Ngoài ra, Ông Nguyễn Thành Long còn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Võ Tấn Hoàng Văn

Ông Võ Tấn Hoàng Văn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ACCA, CPA Việt Nam.

Ông Võ Tấn Hoàng Văn có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính Ngân hàng. Hiện nay Ông Võ Tấn Hoàng Văn đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB). Trước đây, Ông Võ Tấn Hoàng Văn làm việc tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam và giữ các trọng trách như Chuyên viên, Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng kiểm toán và tư vấn lĩnh vực Tài chính Ngân hàng; Phó Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và phát triển Ngân hàng SCB, Phó Tổng Giám đốc và Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng SCB. Ông Võ Tấn Hoàng Văn tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò Phó Chủ tịch HĐQT.



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Nguyễn Quang Thông

Ông Nguyễn Quang Thông tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Ông Nguyễn Quang Thông từng giữ chức vụ thành viên BKS, Ủy viên

HDQT ngân hàng Eximbank... Hiện nay, Ông Nguyễn Quang Thông đang giữ các chức vụ: Phó Chủ tịch HDQT Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long, Phó Chủ tịch HDQT Công ty Bất động sản Eximland, Phó Chủ tịch HDQT Eximbank. Ông Nguyễn Quang Thông đại diện vốn của Eximbank tham gia vào HDQT với vai trò Phó Chủ tịch HDQT Bảo Long.



THÀNH VIÊN HDQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng dành cho chính sách công.

Ông Nguyễn Văn Hùng có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng. Trước đây, Ông Nguyễn Văn Hùng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các chức vụ trọng trách như: Phó/ Trưởng phòng Giao dịch, Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng, Giám đốc Kế toán Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng SCB. Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng tham gia vào HDQT Bảo Long với vai trò thành viên HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.



THÀNH VIÊN HDQT

Ông Phạm Thế Tuấn

Ông Phạm Thế Tuấn tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán.

Ông Phạm Thế Tuấn có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Vietcombank). Ông Phạm Thế Tuấn từng giữ các chức vụ: Kế toán trưởng Shinhan VinaBank, Trưởng phòng Kế toán tài chính Vietcombank – CN Tp. HCM, Trưởng phòng Kế toán giao dịch Vietcombank – CN Tp. HCM, Phó Giám đốc ngân hàng Vietcombank – CN Tp. HCM, Thành viên Hội đồng thành viên NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Hiện nay, Ông Phạm Thế Tuấn giữ chức vụ thành viên HĐTV Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam, Ông Phạm Thế Tuấn tham gia vào HDQT Bảo Long với vai trò thành viên HDQT độc lập.



THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Trần Văn Hồi

Ông Trần Văn Hồi tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh (Post Graduate).

Ông Trần Văn Hồi có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Trần Văn Hồi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm Quảng Ninh (Bảo Việt Quảng Ninh), Giám đốc Công ty Bảo hiểm Hà Nội (Bảo Việt Hà Nội), Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế VN tại Tp.HCM; Phó Tổng Giám đốc Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) Phó Trưởng ban chỉ đạo, trực tiếp phụ trách thành lập Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VINACOMIN, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VINACOMIN, Thành viên HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không. Hiện nay, Ông Trần Văn Hồi tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò thành viên HĐQT.



THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Hữu Tuấn có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính, Chứng khoán. Trước đây, Ông Nguyễn Hữu Tuấn có nhiều năm công tác tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán STSC. Ông Nguyễn Hữu Tuấn tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò thành viên HĐQT.

4.3. Thông tin về Ban điều hành



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phan Quốc Dũng

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng dành cho chính sách công.

Ông Dũng có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm trong và ngoài nước. Trước đây, ông từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson và Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.



THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng dành cho chính sách công.

Ông Hùng có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng. Trước đây, Ông làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó/ Trưởng phòng giao dịch, Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng, Giám đốc Kế toán Hội sở và Phó Tổng giám đốc SCB.

Hiện nay, Ông Hùng tham gia vào HĐQT với vai trò thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc thuộc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Phạm Minh Châm

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp Cử nhân Khoa Kế toán- Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam VACPA.

Bà Châm có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán. Bà đã giữ các chức vụ tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam: Chuyên viên; Chủ nhiệm kiểm toán khối tài chính, ngân hàng. Hiện nay, Bà Châm đang giữ chức vụ Giám đốc tài chính Tổng công ty cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga tốt nghiệp cử nhân Tài chính Kế toán – Trường Đại học Kinh tế TP HCM và được đào tạo bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Bà Nga có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà làm việc tại Công ty Bảo hiểm TP HCM, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Phó Trưởng phòng Kế toán, Giám đốc Tài chính – Kế toán. Hiện nay, Bà Nga đang giữ chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Ông Ngọc hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phó Tổng giám đốc

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt-Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Lưu Thị Tố Trinh

Bà Lưu Thị Tố Trinh tốt nghiệp Cử nhân Ngân hàng – Trường ĐH Ngân hàng TP HCM.

Bà Trinh có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng. Trước đây, Bà làm việc tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu (Eximbank), Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kiểm tra viên – Kiểm tra nội bộ, Kiểm toán viên – Kiểm toán nội bộ tại Eximbank; Trưởng phòng Quản lý tín dụng tại Nam Á; Trưởng Phòng Quản lý Tín dụng, Trưởng Ban Thư ký, Trợ lý Tổng Giám đốc, Giám đốc Sản phẩm Doanh nghiệp, Giám đốc Đầu tư tại SCB.

Hiện nay, Bà Trinh đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

5. Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2017

5.1. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2016 - 2017

Mục tiêu hoạt động của Bảo Long giai đoạn năm 2016 - 2017 là “Tăng trưởng ổn định, bền vững trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro và hiệu quả”.

5.2. Định hướng thực hiện giai đoạn 2016 - 2017

Để đạt được mục tiêu đề ra, Bảo Long đưa ra 3 nhóm định hướng như sau:

Thứ nhất, tăng trưởng doanh thu với tốc độ tối thiểu ngang bằng mặt bằng của thị trường trên cơ sở phát huy đà tăng trưởng hiện tại, khai thác tối đa mạng lưới kinh doanh của SCB và đồng thời phát triển các kênh bán hàng mới như môi giới và Bancassurance.

Thứ hai, tạo nền tảng bền vững để duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu từ phí bảo hiểm trong dài hạn theo hướng phát triển mạng lưới bán lẻ. Triển khai các giải pháp để hỗ trợ cho hoạt động khai thác, bán hàng như nâng cao tính cạnh tranh và tính sẵn sàng của hệ thống sản phẩm, nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu của Bảo Long, xây dựng và từng bước hoàn thiện chức năng quản lý và chăm sóc khách hàng.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống trên cơ sở đánh giá lại và triển khai các biện pháp cải thiện, bao gồm rà soát lại quy trình quản lý nghiệp vụ và quản trị rủi ro, cơ chế quản trị điều hành tầm cao, hiệu quả sử dụng nguồn lực Công nghệ thông tin và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước có điều kiện học tập, trao dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.

Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.

Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, chia sẻ rủi ro với cộng đồng.

7. Các rủi ro

Sự phục hồi kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam sau giai đoạn suy thoái cần khá nhiều thời gian nên sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu bảo hiểm trong tương lai. Điều này lại gián tiếp khiến hoạt động kinh doanh bảo hiểm gặp rủi ro.

Sự ấm lên toàn cầu, biến đổi khí hậu và môi trường đang ngày càng đe dọa hoạt động kinh doanh nói chung và trực tiếp là hoạt động bảo hiểm vì đây là ngành kinh doanh rủi ro.

Sự thay đổi các chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng.

Các sản phẩm, kênh phân phối bảo hiểm ngày càng đa dạng do yêu cầu của khách hàng và mối quan hệ gắn kết giữa các doanh nghiệp bảo hiểm - ngân hàng - quỹ đầu tư... để cùng liên kết tạo hiệu quả cho nhau. Do vậy, nếu không có những chiến lược tốt thì Bảo Long sẽ chịu rủi ro về phát triển kinh doanh.

PHẦN II – QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin cổ phiếu

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 50.000.000 cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31/03/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	39.338.449	78,68
2	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.812.160	7,62
Tổng cộng		43.150.609	86,30

2.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	49.989.645	99,98
	- Pháp nhân	44.004.314	88,01
	- Cá nhân	5.985.331	11,97
2	Cổ đông nước ngoài	10.355	0,02
	- Pháp nhân	-	-0
	- Cá nhân	10.355	0,02
Tổng cộng		50.000.000	100

3. Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

ĐHĐCĐ Bảo Long thường niên năm 2015 tổ chức ngày 23/04/2015 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Bảo Long từ 403.614 triệu đồng lên 500.000 triệu đồng. Trên cơ sở đó, Bảo Long đã hoàn tất hồ sơ tăng vốn trình Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Ngày 30/09/2015, Bộ Tài chính có công văn số 13661/BTC-QLBH của BTC về việc chấp thuận đề nghị tăng vốn điều lệ của Bảo Long từ 403,614 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng.

Ngày 09/10/2015, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 79/GCN-UBCK.

Ngày 06/01/2016, Bảo Long đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và đã gửi báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính. Theo đó, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 403,614 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC9/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 28/03/2016.

4. Các đợt phát hành chứng khoán trong năm 2015

Trong năm 2015, Bảo Long có 01 đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng với số lượng phát hành: 9.638.600 cổ phần.

PHẦN III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Tổng quan thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ năm 2015 và dự báo năm 2016

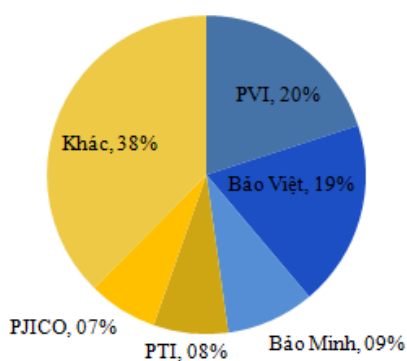
1.1. Hoạt động thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2015

Năm 2015 đánh dấu một năm hoạt động với nhiều kết quả tích cực của ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Theo ước tính, tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 31.375 tỷ đồng, tăng trưởng 14%, cao nhất từ năm 2010 đến nay.

Xét về thị phần, 5 doanh nghiệp đứng đầu thị trường tiếp tục nắm giữ phần lớn thị phần và xoay quanh mức 62% với Bảo hiểm PVI vẫn dẫn đầu (20,0%), Bảo hiểm Bảo Việt về thứ nhì (18,9%), tiếp sau vẫn là Bảo Minh (8,9%), PTI (7,6%) và PJICO (7,1%).

Doanh thu toàn ngành chủ yếu vẫn đến từ 3 nghiệp vụ đó là bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe con người, bảo hiểm tài sản và thiệt hại chiếm 73% doanh thu toàn ngành... Trong đó, Nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới có doanh thu ước đạt 9.416 tỷ đồng, tăng trưởng 21,5% và chiếm tỷ trọng 30% doanh thu toàn ngành; nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe có doanh thu ước đạt 7.213 tỷ đồng, tăng trưởng 20,5% và chiếm tỷ trọng 23% doanh thu toàn ngành; nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại có doanh thu ước đạt 6.383 tỷ đồng, tăng trưởng 10,8% và chiếm tỷ trọng 20,3% doanh thu toàn ngành; các nghiệp vụ còn lại chiếm tỷ trọng 27% doanh thu toàn ngành.

Thị phần các DN BHPNT năm 2015



Tỷ trọng doanh thu các mảng NV năm 2015



Tương ứng doanh thu toàn ngành đạt được trong năm 2015, theo thống kê tổng số tiền bồi thường đã chi trả là 12.878 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường thực trên doanh thu là 41%, cao hơn tỷ lệ cùng kì năm 2014 (39%). Một số doanh nghiệp có tỷ lệ bồi thường cao hơn 50%: Fubon (133,09%); Cathay (119,56%); UIC (85,28%); Phú Hưng (82,62%); MSIG (82,52%); BVTM (70,53%); Liberty (57,89%).

1.2. Dự báo hoạt động ngành bảo hiểm phi nhân thọ năm 2016

Năm 2016, ngành bảo hiểm phi nhân thọ đứng trước những cơ hội và thách thức từ nền kinh tế vĩ mô và chính sách của Chính phủ, cụ thể:

Việc chuẩn bị triển khai các Hiệp định hội nhập kinh tế quốc tế - Việt Nam tham gia ký kết như TPP (Châu Á Thái Bình Dương), EVFTA (EU), FTA (Hàn Quốc) sẽ tạo cơ sở để dòng vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam và hàng hóa Việt Nam mở rộng xuất khẩu ra thị trường quốc tế, từ đó, gia tăng nhu cầu bảo hiểm để các doanh nghiệp bảo hiểm khai thác.

Đồng thời, hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ còn có nhiều cơ hội để triển khai nhiều loại sản phẩm như bảo hiểm bắt buộc công trình xây dựng, trách nhiệm tư vấn khảo sát thiết kế, tai nạn người lao động trên công trường, bảo hiểm khám chữa bệnh (theo Luật Khám chữa bệnh từ 1/6/2016); bảo hiểm nghề nghiệp của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ (theo Luật Đầu tư); bảo hiểm tài sản công (theo Luật Quản lý tài sản công)...

Chế độ quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm cũng sẽ được tăng cường với việc sửa đổi bổ sung Nghị định thay thế các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, quy định điều kiện kinh doanh cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, xử lý hình sự các hành vi trục lợi bảo hiểm. Từ đó, các doanh nghiệp bảo hiểm cần phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời nâng cao năng lực quản trị điều hành và năng lực cạnh tranh.

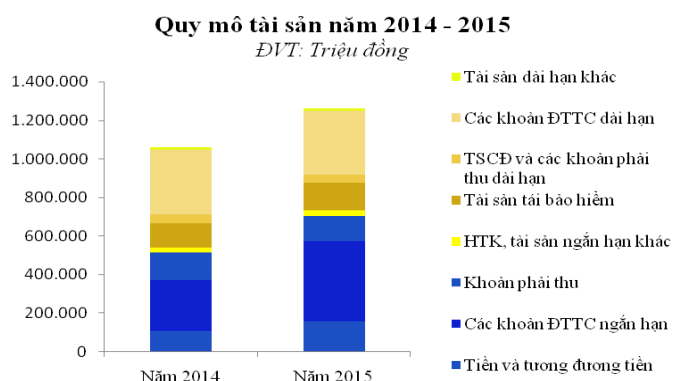
Năm 2016 cũng là năm được dự đoán sẽ có những thay đổi lớn về cục diện cạnh tranh của những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường với sự gia nhập của các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài - là hiệu ứng của việc mở rộng hội nhập quốc tế, cải thiện hành lang pháp lý về đầu tư nước ngoài; sự tái cấu trúc mạnh mẽ của đa số các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ; xu hướng gắn kết toàn diện giữa các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và các định chế tài chính như ngân hàng, công ty quản lý quỹ...

Trên cơ sở những cơ hội và thách thức nêu trên, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam dự đoán thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2016 sẽ đạt mức tăng trưởng 18%.

2. Kết quả kinh doanh của Bảo Long năm 2015

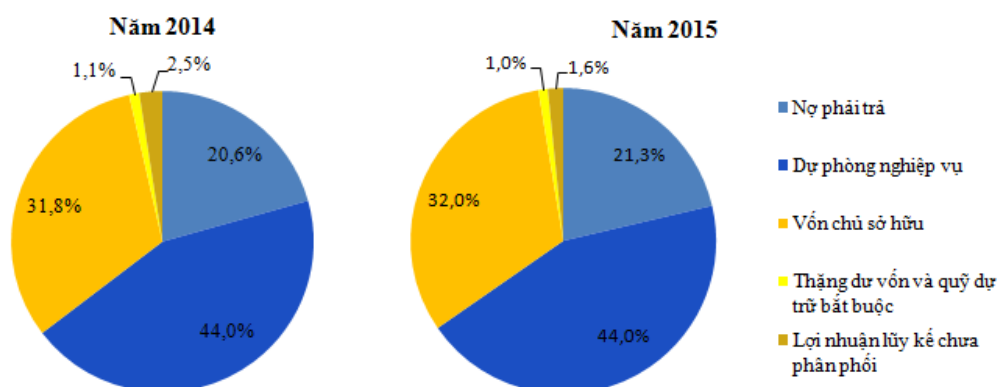
2.1. Về quy mô tài sản – nguồn vốn năm 2015

Quy mô Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 là 1.259.897 triệu đồng, tăng 19% so với năm 2014.



Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Bảo Long tương đối ổn định và không có sự dịch chuyển đáng kể. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất luôn là các khoản đầu tư tài chính (59% TTS); tiền và các khoản tương đương tiền (12% TTS).

Cơ cấu nguồn vốn không thay đổi lớn so với năm 2014, vốn chủ sở hữu và quỹ dự phòng vẫn chiếm tỷ trọng đa số khoảng 80% tổng nguồn vốn cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Bảo Long ở mức khá cao.



Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 413.101 triệu đồng, tăng 21% so với năm 2014 giúp tăng cường khả năng thanh toán kịp thời của Bảo Long cho các tổn thất lớn phát sinh, đồng thời tạo ra thế mạnh cạnh tranh và tính linh hoạt trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, phù hợp với tình hình thị trường.

2.2. Về kết quả kinh doanh năm 2015

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2015 (triệu đồng)	TH 2015 (triệu đồng)	% Hoàn thành KH 2015
LN gộp từ hoạt động KDBH gốc	106.500	97.476	92%
LN gộp từ hoạt động nhận tái	(9.000)	(10.312)	115%
LN nhuận gộp từ hoạt động tài chính	53.000	57.114	108%

Chi phí quản lý doanh nghiệp	133.000	125.609	94%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.500	20.220	116%

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh năm 2015 đạt kế hoạch đề ra, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 20.220 triệu đồng, tương ứng với 116% kế hoạch. Kết quả của từng chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Về tăng trưởng doanh thu, doanh thu từ phí bảo hiểm gốc đạt 567.260 triệu đồng, tăng trưởng 14% so với năm 2014, hoàn thành 102% kế hoạch doanh thu 2015. Trong đó, mảng XCG, Tài sản – trách nhiệm – Kỹ thuật và Hàng hóa là 3 mảng chiếm tỷ trọng khá lớn khoảng 87% trong cơ cấu doanh thu của Bảo Long.

Chi phí bồi thường

Tỷ lệ bồi thường của toàn hệ thống đã không đạt được tỷ lệ bồi thường kỳ vọng do nhiều vụ bồi thường lớn liên tiếp xảy ra, đặc biệt là trong khoảng thời gian 6 tháng đầu năm, dẫn đến tỷ lệ bồi thường tăng cao.

Tỷ lệ bồi thường có bao gồm ước dự phòng bồi thường trên doanh thu tăng từ 27% tại thời điểm 31/12/2014 lên đến 35% tại thời điểm 31/12/2015. Tương tự, tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại/ trên doanh thu giữ lại tăng từ 39% lên 42%.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhận tái

Năm 2015, doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt 35.219 triệu đồng, hoàn thành 88% kế hoạch (kế hoạch nhận tái năm 2015 là 40 tỷ).

Chi bồi thường bảo hiểm nhận tái (bao gồm thu đòi người thứ 3 và giá trị dự phòng bồi thường) là 35.996 triệu đồng, tương đương 216% tổng chi bồi thường kế hoạch năm 2015 (kế hoạch chi bồi thường nhận tái là 16.628 triệu đồng).

Trong đó, tổn thất từ các vụ bồi thường của hợp đồng nhận tái từ năm 2013 trở về trước là 24.724 triệu đồng, hợp đồng nhận tái năm 2014 là 10.245 triệu đồng và hợp đồng nhận tái năm 2015 là 1.027 triệu đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 là 125.609 triệu đồng, bao gồm 2 cấu phần là chi phí tại Trụ sở chính và chi phí tại các Đơn vị thành viên.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại các Đơn vị thành viên là 62.046 triệu đồng, là một phần trong định mức chi phí kinh doanh năm 2015 được giao.

Chi phí quản lý tại Trụ sở chính bao gồm: Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (5.163 triệu đồng) và chi phí quản lý khác (58.400 triệu đồng). Chi phí này tăng 13% so với cùng kỳ năm 2014 và nằm trong kế hoạch do năm 2015 đã được dự kiến là năm phát sinh nhiều khoản chi bất thường (chi phí sự kiện, chi phí thay đổi/ bổ sung nhân sự).

Lợi nhuận kế toán

Năm 2015, lợi nhuận hoạt động tài chính vượt kế hoạch, hoạt động kinh doanh bảo hiểm với doanh thu vượt kế hoạch nhưng tỷ lệ bồi thường tăng cao dẫn đến lợi nhuận trước thuế công ty đạt 20.220 triệu đồng, giảm 38% so với năm 2014 (32.776 triệu đồng) và hoàn thành 116% so với kế hoạch.

2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm so với 2014	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2015
Nguồn vốn đầu tư	622	780	25,40%	
Lợi nhuận đầu tư tài chính	53	57	7,55%	108%
Tỷ suất lợi nhuận đầu tư	8,5%	8,4%	(1,18%)	

Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2015 đạt 780 tỷ đồng, tăng 25,40% so với cùng kỳ 2014 (622 tỷ đồng). Tính từ đầu năm, tổng nguồn vốn đầu tư tăng 158 tỷ đồng. Nguồn vốn tăng chủ yếu là do được bổ sung từ lãi đầu tư, nguồn tiền nhàn rỗi trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm và vốn chủ sở hữu.

Trong cơ cấu danh mục đầu tư thì tiền gửi ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng đa số (56%) trong tổng danh mục, phần còn lại là đầu tư chứng chỉ tiền gửi, chứng khoán niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp, góp vốn nên tương đối an toàn đáp ứng nhu cầu thanh khoản khi cần thiết.

STT	Danh mục đầu tư	Lợi nhuận Kế hoạch 2015 (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện 2015 (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
1	TGNH	28.000	36.859	132%
2	Chứng chỉ TG	5.000	7.585	152%
3	Trái phiếu doanh nghiệp	12.000	5.558	46%
4	Đầu tư chứng khoán	8.000	7.112	89%
	Toàn danh mục	53.000	57.114	108%

Thu nhập hoạt động đầu năm 2015 đạt 57 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ 2014 (53 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận từ các khoản đầu tư lãi suất cố định bao gồm tiền gửi NH, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp đạt xấp xỉ 50.002 triệu đồng, hiệu suất sinh lời bình quân đạt 8,4%. Ngoài ra, với việc mở rộng kênh đầu tư vào thị trường chứng khoán niêm yết bước đầu đã có những kết quả nhất định. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư cổ phiếu niêm yết, repo chứng khoán đạt 7.112 triệu đồng, hiệu suất sinh lời bình quân 15%.

Trên cơ sở xem xét những yếu tố thị trường cũng như hoạt động nội tại của Bảo Long, xu hướng đầu tư năm 2016 một mặt Bảo Long tái cơ cấu đối với danh mục hiện tại, mặt khác sẽ

tiếp tục mở rộng kênh đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chính phủ để hưởng lợi từ xu hướng tích cực của lãi suất thị trường. Ngoài ra, với việc mở rộng kênh đầu tư vào thị trường chứng khoán kể từ năm 2015 bước đầu đã có những kết quả nhất định. Tiếp bước đà tăng trưởng của năm 2015, năm 2016 Bảo Long cũng xem xét mở rộng hoạt động này để đem lại tỷ suất sinh lợi cao hơn trong bối cảnh TTCK năm 2016 đang được đánh giá là một kênh đầu tư hấp dẫn.

3. Những cải tiến về tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2015

3.1. Công tác Tổ chức và nhân sự

Năm 2015, trong tiến trình tái cơ cấu toàn hệ thống, Bảo Long đã hoàn thành việc sắp xếp lại các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính theo hướng tinh gọn và hiệu quả thông qua các hoạt động như: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính; Thành lập các Ban, bộ phận còn thiếu (Ban Phát triển kinh doanh, Ban Quản lý rủi ro và tuân thủ, Trung tâm chăm sóc khách hàng, Ban Truyền thông & Marketing).

Về công tác Nhân sự, Bảo Long đã và đang từng bước hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng bảng tiêu chuẩn chức danh, thang bậc chuyên môn và xây dựng quy chế tiền lương, khen thưởng cho toàn hệ thống.

3.2. Công tác Phát triển mạng lưới kinh doanh

Năm 2015, Bảo Long đã gặt hái được nhiều thành công trong công tác phát triển mạng lưới kinh doanh, cụ thể:

Bảo Long đã thành lập thêm 9 Công ty thành viên mới, bao gồm: Bảo Long Thanh Hóa, Bảo Long Thái Nguyên, Bảo Long Bến Thành, Bảo Long Bình Định, Bảo Long Phú Thọ, Bảo Long Bình Thuận, Bảo Long Quảng Ngãi, Bảo Long Cà Mau, Bảo Long Tân Sơn nhất. 9 Công ty thành viên này cùng với 4 Công ty thành viên thành lập thêm trong Quý 1- 2016 đã nâng tổng số Công ty thành viên của toàn hệ thống lên 34 đơn vị.

Song song với việc thành lập các mạng lưới mới, Bảo Long thực hiện rà soát và sắp xếp lại các đơn vị thành viên yếu, bước đầu Bảo Long Long An sau khi thực hiện tái cơ cấu đã đạt kết quả tích cực khi hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu năm 2015.

Bên cạnh đó, kế hoạch chuẩn hóa mô hình hoạt động của các đơn vị thành viên cũng hoàn thành trong năm 2015: Ban hành quy định phân hạng đơn vị, đánh giá và đưa ra mô hình chuẩn cho từng hạng.

Ngoài ra, Bảo Long cũng rất tích cực triển khai phát triển các kênh khai thác hiện đại như: triển khai kênh bán hàng qua môi giới, thành lập Ban Dịch vụ KHDN chuyên triển khai các dự án lớn, đẩy mạnh khai thác qua Bancassurance.

3.3. Công tác Phát triển sản phẩm

Với mục tiêu nâng cao tính cạnh tranh và tính sẵn sàng của sản phẩm khi cung cấp ra thị trường, năm 2015 Bảo Long đã ban hành các hướng dẫn đối với các nhóm sản phẩm hiện hữu

cũng như đã xây dựng và triển khai sản phẩm Bảo Tâm An, Du lịch trong khuôn khổ dự án hợp tác với DM.

Bên cạnh đó, Bảo Long không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm thông qua việc triển khai sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp như Macca, bảo hiểm rau sạch, sản phẩm bảo hiểm “An tâm tín dụng” kết hợp với các ngân hàng.

3.4. Công tác Marketing, bán hàng và chăm sóc khách hàng

Bảo Long đã tổ chức thành công Chương trình kỷ niệm 20 năm thành lập công ty gắn liền với các chương trình bán hàng, phong trào thi đua trên toàn hệ thống.

Ngoài ra, nhằm nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu trên thị trường, Bảo Long đã xây dựng bộ tài liệu bán hàng điện tử (eBrochure) để truyền tải thông điệp, thương hiệu của Công ty một cách chuyên nghiệp.

Song song với việc phát triển thương hiệu, Bảo Long cũng tập trung vào công tác chăm sóc khách hàng để hỗ trợ tối đa cho hoạt động khai thác và nâng cao vị thế cạnh tranh của Bảo Long trên thị trường. Các hoạt động cụ thể như: Ban hành quy tắc ứng xử phối hợp bán hàng và chăm sóc khách hàng trong toàn hệ thống; Triển khai Contact center trên cơ sở kết nối Contact center của SCB.

3.5. Công tác Quản trị điều hành

Nhằm mục tiêu nâng cao tính tổ chức, kỷ luật và hiệu quả của quy trình quản trị điều hành, năm 2015 Bảo Long đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, cụ thể: quy định về lưu chuyển hồ sơ và thông tin nội bộ đã được xây dựng và triển khai giữa các đơn vị thành viên với các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính. Bước đầu, Quy định này đã góp phần cải thiện chất lượng và tốc độ lưu chuyển thông tin trong toàn hệ thống. Ngoài ra, Bảo Long cũng đã xây dựng hệ thống báo cáo quản trị được thiết lập cho mục đích quản trị của Ban điều hành.

3.6. Công tác Quản lý nghiệp vụ

Với mục tiêu của công tác Quản lý nghiệp vụ trong năm 2015 là “Nâng cao chất lượng quản lý nghiệp vụ để đảm bảo các quy trình kinh doanh được vận hành một cách hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và đáp ứng được yêu cầu của chiến lược kinh doanh đặt ra”, Bảo Long đã thực hiện các hoạt động cụ thể để hoàn thành mục tiêu đặt ra, như:

- Tách bạch giữa chức năng khai thác và chức năng quản lý nghiệp vụ;
- Xây dựng quy tắc và phí bảo hiểm vật chất xe thống nhất toàn thị trường;
- Hướng dẫn, hỗ trợ các Công ty thành viên trong công tác khai thác, đưa ra phương án chào phí cạnh tranh.
- Thường xuyên giám sát, kiểm tra tính tuân thủ về quy trình nghiệp vụ, công tác khai thác – giám định – bồi thường của từng đơn vị. Qua đó chấn chỉnh lại những vấn đề còn

thiếu sót của đơn vị, đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2016

4.1. Các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2016

4.1.1. Mục tiêu

“Tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro và hiệu quả”

4.1.2. Giải pháp kinh doanh năm 2016

Năm 2016, Bảo Long tập trung vào 10 nhóm giải pháp kinh doanh sau:

- ❖ **Nhóm 1 - Bán hàng:** tiếp tục phát triển mạnh mạng lưới bán lẻ truyền thống, đồng thời triển khai và phát triển có chọn lọc/ trọng tâm các kênh phân phối mới;
- ❖ **Nhóm 2 - Cơ chế/định mức tài chính:** phù hợp với chiến lược phát triển, giảm thiểu mâu thuẫn về lợi ích;
- ❖ **Nhóm 3 - Chính sách khách hàng:** thiết lập nguyên tắc ứng xử và quy trình vận hành phù hợp, có chọn lọc theo từng nhóm/ đối tượng khách hàng;
- ❖ **Nhóm 4 - Dịch vụ sau bán:** tổ chức lại và nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống giám định, bồi thường;
- ❖ **Nhóm 5 - Hoạt động quản lý:** củng cố, đổi mới, tổ chức lại hoạt động kinh doanh khai thác bảo hiểm
- ❖ **Nhóm 6 - Nhân sự:** nâng cao chất lượng nhân sự kèm theo việc xây dựng cơ chế/ chính sách quản trị nguồn nhân lực phù hợp
- ❖ **Nhóm 7 - Quản lý rủi ro:** tạo sự chủ động và có kiểm soát của mọi mặt hoạt động kinh doanh trong điều kiện tăng trưởng doanh thu nhanh thông qua khung quản trị rủi ro, quy trình và công cụ quản trị rủi ro phù hợp.
- ❖ **Nhóm 8 - Quản lý chi phí:** đảm bảo không thất thoát chi phí ở mọi khâu của quá trình hoạt động kinh doanh
- ❖ **Nhóm 9 - Thông tin quản trị:** đảm bảo sự kịp thời, thông suốt và chính xác của thông tin trong quá trình vận hành
- ❖ **Nhóm 10 - Năng lực tài chính:** tiếp tục nâng cao vốn điều lệ để theo kịp và đón đầu những cơ hội/ thách thức của thị trường.

4.2. Kế hoạch tài chính năm 2016

Chỉ tiêu	TH 2015 (triệu đồng)	KH 2016 (triệu đồng)	% Tăng trưởng
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	602.527	802.500	33%

- Chi phí trích lập dự phòng phí	(29.750)	(84.500)	184%
- Chi bồi thường (bao gồm trích lập DP BT)	(237.075)	(283.500)	20%
- Chi phí tái bảo hiểm	(52.043)	(73.900)	42%
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm	(57.563)	(75.000)	30%
- Chi phí bán hàng và quản lý tại các ĐVTV	(191.317)	(265.200)	39%
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH	(9.994)	(11.200)	12%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19.954	9.200	(54%)
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu	68.786	80.000	16%
- Chi phí	(9.906)	(5.000)	(50%)
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	58.880	75.000	27%
Thu nhập từ hoạt động khác	(214)	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp tại TSC	(58.400)	(75.400)	29%
Hiệu quả kinh doanh trước trích lập dự phòng phí và thuế	49.970	93.259	87%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.220	8.800	(56%)

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2015 (triệu đồng)	KH 2016 (triệu đồng)	% Tăng trưởng
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	413.101	500.379	21%
Vốn chủ sở hữu (*)	436.517	600.000	37%
Danh mục đầu tư	780.212	1.058.000	28%
Tổng tài sản	1.259.897	1.600.000	27%

(*) Số thực là 500 tỷ đồng, tuy nhiên tại ngày 31/12/2015 giá trị vốn tăng đang treo phải trả, chờ giấy phép điều chỉnh của BTC.

PHẦN IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động của Bảo Long

Chi tiết nêu tại Phần III- Mục 2

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trên cơ sở các mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua, năm 2015 Hội đồng Quản trị luôn theo dõi, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để triển khai và hoàn thành các mục tiêu trọng yếu như sau:

- HĐQT thực hiện thường xuyên việc đánh giá công tác triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành; đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, hàng quý của Tổng Công ty. Cùng với Ban Lãnh đạo Tổng Công ty, trực tiếp kiểm tra tình hình hoạt động của các công ty thành viên để hoàn thiện chủ trương chung và góp phần thúc đẩy kinh doanh, tháo gỡ vướng mắc.
- HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và đề xuất các giải pháp để hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấn chỉnh hoạt động nhận tái bảo hiểm, hạn chế nhận các nghiệp vụ có nhiều rủi ro.
- HĐQT đã chủ trương tập trung hơn nữa công tác quản trị rủi ro, thành lập Khối Quản lý rủi ro, Ban Quản lý rủi ro và tuân thủ, ban hành các quy trình, quy chế quản trị - quản lý kiểm soát rủi ro; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này

trong mọi mặt hoạt động của Tổng Công ty. Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro cho Tổng Công ty.

- Trong năm 2015, HĐQT thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT quản lý chuyên biệt theo quy định của pháp luật, các Ủy ban hoạt động rất tích cực và hiệu quả trong năm qua và hoàn thành nhiệm vụ tham mưu của mình với HĐQT trong việc đưa ra các ý kiến chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị rủi ro của bảo hiểm.
- Phát triển mạng lưới kinh doanh: năm 2015, HĐQT đã giao Ban Tổng giám đốc thực hiện xin phép Bộ Tài chính về các thủ tục pháp lý như: Thành lập mới 09 công ty thành viên ở các vùng có tiềm lực kinh tế như: Thanh Hoá, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Bình Định... thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Công ty thành viên và tính đến nay mạng lưới hoạt động của Bảo Long gồm có 01 Văn phòng đại diện và 34 công ty thành viên; chỉ đạo Ban điều hành tích cực tìm kiếm nhân sự tốt và linh hoạt trong bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự.
- Tăng vốn điều lệ Bảo Long lên 500 tỷ: thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục pháp lý trình Bộ Tài chính chấp thuận tăng vốn điều lệ của Bảo Long từ 403.614.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2016

3.1. Quản trị điều hành

- Chỉ đạo quản trị hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với các quy định pháp luật, điều chỉnh linh hoạt các chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp từng giai đoạn nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn hệ thống an toàn, hiệu quả.
- Tiếp tục chủ trương quản lý nghiệp vụ và quản lý tài chính thông qua công cụ hỗ trợ là phần mềm quản lý, chống trục lợi bảo hiểm, tái cơ cấu sản phẩm theo hướng tập trung vào các nghiệp vụ có hiệu quả, điều chỉnh và có giải pháp phù hợp đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm là nguyên nhân gây lỗ hoạt động bảo hiểm, phát triển nghiệp vụ bảo hiểm mới, nghiên cứu phát triển kênh phân phối trên cơ sở hợp tác và tận dụng những lợi thế của các cổ đông ngân hàng.
- Thực hiện việc tăng vốn điều lệ của Bảo Long lên 600 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính của Bảo Long, tăng hạn mức giữ lại của nghiệp vụ tái bảo hiểm, đảm bảo vốn điều lệ Bảo Long đủ điều kiện để cấp bảo hiểm tài sản công cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp hành chính... khi Luật bảo hiểm công được ban hành.

- Quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hoá kết hợp với việc xây dựng một tập thể CBNV năng động, sáng tạo, trí tuệ, tiến tới xây dựng được một sức mạnh văn hoá doanh nghiệp mang dấu ấn Bảo Long, nâng cao vị trí của mình trên thị trường bảo hiểm.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh.

3.2. Đào tạo nhân sự, phát triển mạng lưới kinh doanh

- Từng bước xây dựng nguồn nhân sự chuyên nghiệp thông qua công tác tìm người tài năng, bố trí cán bộ theo nguyên tắc có dự bị, kế thừa, quan tâm cán bộ trẻ có trình độ phẩm chất đạo đức tốt.
- Thường xuyên mở lớp đào tạo tập huấn cho CBNV.
- Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, có phần đấu cạnh tranh để thăng tiến.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới có trọng tâm, hướng đến tổ chức liên kết vùng, liên kết khu vực để tăng cường sức cạnh tranh.
- Thông qua mở rộng mạng lưới, gia tăng hoạt động và các giải pháp truyền thông, đặc biệt gắn bó với các sự kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn; Bảo Long phải quyết liệt hơn nữa để quảng bá thương hiệu, tăng cường độ nhận biết về tên tuổi của Bảo Long, có điều tra đánh giá vào cuối năm 2016.

Năm 2016 là năm Bảo Long có nhiều nỗ lực đầu tư phát triển bề rộng và cả chiều sâu chất lượng, HĐQT sẽ có chỉ đạo sâu sát và toàn diện hơn nữa để tạo một vị thế mới cho Bảo Long, làm tiền đề phát triển bền vững và mạnh mẽ cho 2017 và những năm kế tiếp.

PHẦN V – BÁO CÁO HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững

Đối với doanh nghiệp nói chung và Bảo Long nói riêng, vấn đề phát triển bền vững là trách nhiệm của cả tập thể CBNV. Nhận biết được tầm quan trọng đó, trong quá trình hoạt động Bảo Long đã xác định 3 yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của mình là nâng cao năng lực hoạt động, đóng góp xã hội - cộng đồng và bảo vệ môi trường. Trong đó, Bảo Long cũng đã xác định để phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và đóng góp cho xã hội – cộng đồng thì quản trị doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi quyết định.

Nhận biết được tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp, trong năm 2015 Bảo Long đã rà soát và ban hành mô hình tổ chức mới trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Các khối nghiệp vụ chuyên trách (tài chính, quản trị rủi ro, kế toán, kinh doanh, phát triển kinh doanh, hỗ trợ, hỗ trợ kinh doanh,

nghiệp vụ) và các Công ty thành viên. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

2. Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan

2.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững của Bảo Long. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử CBNV tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.

2.2. Đối với cổ đông, nhà đầu tư

Quan hệ cổ đông đóng vai trò then chốt giúp Bảo Long thu hút nguồn vốn hỗ trợ các kế hoạch kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng quy mô mạng lưới hoạt động ... và giữ vững thị phần trong điều kiện thị trường bảo hiểm cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, dòng vốn chỉ thực sự tìm đến khi Bảo Long tạo dựng được niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông bằng tầm nhìn phát triển bền vững và hiệu quả. Chính vì vậy, năm 2016 Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với nhà đầu tư, cổ đông thông qua các giải pháp, chiến lược:

- Thực hiện quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.
- Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thị trường.
- Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.
- Xây dựng niềm tin và sự trung thành của các nhà đầu tư, cổ đông lớn.
- Tạo lập các kênh thông tin để nhà đầu tư, cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng, không phân biệt cổ đông lớn nhỏ.
- Xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà đầu tư, cổ đông hiện hữu, tập trung duy trì và nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan.
- Chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho nhà đầu tư, cổ đông.
- Minh bạch cơ chế tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các nhà đầu tư, cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long.

- Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển với nhà đầu tư, cổ đông và cam kết trở thành “Người đồng hành số 1, Người bạn tin cậy, đồng hành – đồng chia sẻ” của nhà đầu tư, cổ đông; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.

2.3. Đối với khách hàng

Với phương châm **“Đồng hành, đồng chia sẻ”** Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Trong năm 2015, Bảo Long đã triển khai và đưa vào hoạt động Trung tâm Chăm sóc Khách hàng để hỗ trợ tư vấn, giải đáp các thắc mắc liên quan đến sản phẩm/dịch vụ của Bảo Long, cũng như tiếp nhận khai báo tai nạn của khách hàng, nhanh chóng điều phối giám định đến hiện trường để ghi nhận các vụ tổn thất, xử lý bồi thường cho khách hàng một cách nhanh chóng. Ngoài việc đầu tư hệ thống contact centre cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng, Bảo Long cũng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tất cả CBNV của Trung tâm Dịch vụ Khách hàng đều được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp để có thể giải đáp, tư vấn mọi yêu cầu của Khách hàng.

Bên cạnh đó, để có thể khai thác và cung cấp dịch vụ một cách tốt nhất cho khách hàng, Bảo Long ngày càng mở rộng mạng lưới trải khắp các tỉnh thành trong cả nước. Trong năm 2015 và Quý 1/2016, Bảo Long đã mở rộng thêm mạng lưới các công ty thành viên, nâng số công ty thành viên từ 22 lên 34 đơn vị thành viên. Định hướng trong thời gian tới, các công ty thành viên của Bảo Long sẽ có mặt khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho khách hàng, Trong thời gian qua, Bảo Long luôn cải tiến các quy trình giám định – bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, với tinh thần phục vụ “đồng hành, đồng chia sẻ”, CBNV Bảo Long luôn làm tốt vai trò đồng hành và hỗ trợ khách hàng, chủ động thực hiện tốt các trách nhiệm của Bảo Long trước các thiệt hại do rủi ro bất ngờ của khách hàng.

2.4. Đối với người lao động

Với 20 năm tồn tại và phát triển, từ Doanh nghiệp Bảo hiểm đầu tiên được thành lập tại Việt Nam đến hôm nay Bảo Long đã từng bước phát triển mạnh mẽ hơn và đạt được những thành công nhất định trong ngành kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ. Trong đó, yếu tố cốt lõi góp phần quan trọng trong sự thành công của Bảo Long đó chính là Nguồn nhân lực. "Con người là tài sản vô giá" - nhận thức được điều này, Bảo Long cam kết xây dựng các chính sách nhân sự và chế độ tối ưu cho CBNV phù hợp theo Quy định của Pháp luật, đảm bảo cho Người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với Bảo Long.

Môi trường làm việc: nhận thấy môi trường làm việc là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất lao động của CBNV, vì vậy Bảo Long luôn cố gắng xây dựng và hướng đến một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động nhưng cũng vô cùng thân thiện và đầm ấm.

Tiền lương, phúc lợi: chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng rất quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, kết hôn...

Chính sách nhân sự và đào tạo:

- Đối với ứng viên: Bảo Long luôn thể hiện sự trân trọng đối với ứng viên, đặc biệt là đối với các ứng viên có kinh nghiệm làm việc trong ngành Bảo hiểm Phi nhân thọ, vì vậy Bảo Long luôn có những chế độ, chính sách riêng để thu hút các đối tượng trên gia nhập vào đội ngũ nhân sự tại Bảo Long, góp phần vào sự phát triển toàn diện của Bảo Long.
- Đối với nguồn nhân lực nội bộ: Bảo Long luôn tạo điều kiện để tất cả CBNV, nhất là những nhân sự có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc có cơ hội thăng tiến công bằng trong công việc thông qua các kỳ thi tuyển dụng nội bộ hoặc quy hoạch nhân sự. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn mạnh dạn đề bạt các Cán bộ trẻ có năng lực, bố trí, sắp xếp nhân sự phù hợp với năng lực cá nhân và điều kiện của Bảo Long. Làm việc tại Bảo Long, CBNV sẽ có được định hướng phát triển cho con đường sự nghiệp của mình và phấn đấu vươn lên các vị trí cấp cao tại Bảo Long.

Bên cạnh đó, Bảo Long luôn quan tâm và coi trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách đào tạo trong nước và nước ngoài dành cho CBNV, trong đó chú trọng việc đào tạo các nghiệp vụ, kỹ năng nhằm tạo điều kiện cho CBNV luôn cập nhật những kiến thức mới để phục vụ cho công việc. Ngoài ra, Bảo Long còn có các chế độ hỗ trợ học phí (tùy các trường hợp cụ thể) và tạo điều kiện cho CBNV tự học để nâng cao trình độ.

2.5. Đối với cộng đồng

Đối với Bảo Long, việc thực hiện các hoạt động vì cộng đồng luôn được công ty chú trọng và được thực hiện dựa trên những mục tiêu như sau:

- Chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.
- Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước có điều kiện học tập, trao dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.
- Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.
- Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, chia sẻ rủi ro với cộng đồng.

Trên cơ sở đó, trong năm 2015, Bảo Long đã tham gia, đóng góp nhiều hoạt động vì cộng đồng khác nhau. Tổng giá trị hoạt động cộng đồng là 312 triệu đồng. Trong đó, một số hoạt động tiêu biểu như:

- Chung sức đồng lòng cùng ngư dân Lý Sơn bám biển (tài trợ 200 triệu đồng)
- Ủng hộ 50 triệu đồng cho Quỹ Tình thương Việt.
- Kêu gọi CBNV ủng hộ nhân dân Quảng Ninh khắc phục hậu quả do đợt mưa lũ kéo dài (62 triệu đồng).

3. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, cho nên hoạt động kinh doanh của Bảo Long đều thân thiện với môi trường. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động Bảo Long không ngừng đánh giá chất lượng môi trường làm việc và vận dụng nhiều ý tưởng mới nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng không tốt đến môi trường xung quanh, cụ thể:

- Tiết kiệm năng lượng: sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tốn năng lượng và khí thải, giảm lượng giấy in tài liệu. Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...
- Ứng dụng CNTT và truyền thông: sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Tổng công ty vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện. Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp iữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.
- Môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp: bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc, sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Handwritten signature

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 58

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC2/KDBH ngày 7 tháng 1 năm 2015 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có ba mươi (30) chi nhánh đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 682 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 623 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Lưu Thanh Tâm	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Thế Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Trần Văn Hồi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
		Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Vũ Ngọc Tuyển	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Văn Hồi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2015
Ông Lưu Thanh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 29 tháng 1 năm 2015
Ông Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2014
Ông Dương Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2014
Ông Phan Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2014
Bà Lưu Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Bà Phạm Minh Châm	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Thời gian hiệu lực</u>
Ông Lưu Thanh Tâm	Tổng Giám đốc	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 29 tháng 1 năm 2015
Ông Trần Văn Hồi	Tổng Giám đốc	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2015 đến ngày 1 tháng 7 năm 2015
Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

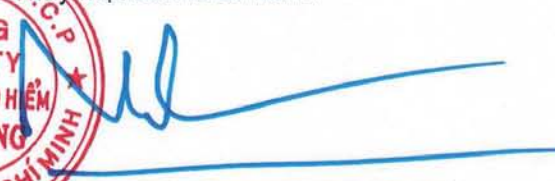
Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:


Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60948250/17837428

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1672-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		874.827.901.778	668.241.575.326
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	161.360.663.318	107.179.536.638
111	1. Tiền		145.360.663.318	107.179.536.638
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	414.586.927.786	266.227.399.763
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	47.399.280.778	60.947.514.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(10.122.352.992)	(10.720.114.237)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		377.310.000.000	216.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		127.254.577.551	142.144.324.066
131	1. Phải thu của khách hàng		88.927.356.740	106.794.223.286
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6	88.927.356.740	106.794.223.286
135	2. Các khoản phải thu khác	7	51.833.763.689	43.693.147.559
139	3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(13.506.542.878)	(8.343.046.779)
140	IV. Hàng tồn kho		428.026.218	301.651.408
141	1. Hàng tồn kho		428.026.218	301.651.408
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.425.255.205	26.797.911.149
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		29.200.638.515	26.690.394.179
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	8	28.642.972.887	26.380.467.129
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		557.665.628	309.927.050
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		95.387.574	13.823.649
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		129.229.116	93.693.321
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	16.1	141.772.451.700	125.590.752.302
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		56.501.335.040	47.469.175.614
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		85.271.116.660	78.121.576.688

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		385.068.605.932	390.554.557.089
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.000.000.000	6.000.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		8.000.000.000	6.000.000.000
218.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm		8.000.000.000	6.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		35.581.734.004	38.189.362.268
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	24.662.682.653	26.948.477.425
222	Nguyên giá		48.229.747.171	47.815.157.422
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.567.064.518)	(20.866.679.997)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	10.919.051.351	10.900.564.843
228	Nguyên giá		14.937.119.277	14.086.319.277
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.018.067.926)	(3.185.754.434)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	340.320.000
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5	330.000.000.000	337.500.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		331.503.000.000	339.003.000.000
255.1	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.486.871.928	8.865.194.821
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.421.275.547	5.519.028.208
267	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.3	6.814.622.925	2.158.202.157
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.250.973.456	1.187.964.456
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.259.896.507.710	1.058.796.132.415

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		823.379.436.635	684.662.475.078
310	I. Nợ ngắn hạn		820.705.132.661	682.940.234.040
312	1. Phải trả người bán		95.089.231.117	91.184.252.777
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	12	95.089.231.117	91.184.252.777
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.148.053.124	7.142.887.832
315	3. Phải trả người lao động		9.252.376.425	5.873.843.232
316	4. Chi phí phải trả		2.750.963.458	510.000.000
318	5. Các khoản phải trả khác	14	128.734.580.784	97.939.386.474
319	6. Doanh thu chưa thực hiện		3.448.598.431	1.883.178.743
319.1	7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	15	16.408.106.329	12.362.427.065
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	16	554.873.222.993	466.044.257.917
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	288.735.954.677	258.985.889.098
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	230.300.075.890	172.589.263.633
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.2	35.837.192.426	34.469.105.186
330	II. Nợ dài hạn		2.674.303.974	1.722.241.038
333	1. Nhận ký quỹ dài hạn		20.000.000	20.000.000
336	2. Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc		2.654.303.974	1.702.241.038
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		436.517.071.075	374.133.657.337
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	436.517.071.075	374.133.657.337
411	1. Vốn cổ phần		403.614.000.000	336.345.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		208.005.155	226.755.440
419	3. Quỹ dự trữ bắt buộc		12.206.998.384	11.441.305.183
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.488.067.536	26.120.596.714
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.259.896.507.710	1.058.796.132.415

Bà Vũ Thị Hoàng Anh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Phần I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	491.170.114.974	418.797.660.795
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	68.786.224.228	56.824.456.107
13	3. Thu nhập khác	94.733.782	697.412.843
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(404.006.156.384)	(313.500.358.052)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(9.906.041.791)	(11.093.831.377)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(125.609.219.018)	(116.449.132.661)
24	7. Chi phí khác	(309.186.967)	(2.500.026.465)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.220.468.824	32.776.181.190
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(9.563.025.569)	(8.795.132.667)
52	10. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	4.656.420.768	603.687.623
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.313.864.023	24.584.736.146
70	12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	361	631

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
 Phần II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm	19	572.729.092.360	515.224.118.741
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Phí bảo hiểm gốc		567.260.426.484	498.874.518.077
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm		35.218.731.455	48.226.356.588
01.3	Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	(29.750.065.579)	(31.876.755.924)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm		(110.300.581.843)	(112.889.945.138)
	<i>Trong đó:</i>			
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	20	(119.332.741.269)	(114.661.128.212)
02.2	Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16.1	9.032.159.426	1.771.183.074
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần		462.428.510.517	402.334.173.603
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		28.741.604.457	16.463.487.192
	<i>Trong đó:</i>			
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	15	28.693.336.333	16.383.361.372
	- Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm		32.739.015.597	28.745.788.437
	- (Tăng)/giảm doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng		(4.045.679.264)	(12.362.427.065)
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		48.268.124	80.125.820
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		491.170.114.974	418.797.660.795
11	6. Chi bồi thường		(179.364.212.200)	(169.356.664.674)
	<i>Trong đó:</i>			
	Tổng chi bồi thường		(184.406.327.356)	(178.270.274.190)
	Các khoản giảm trừ		5.042.115.156	8.913.609.516
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		22.414.896.788	29.474.010.249
13	8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	(57.710.812.257)	(3.671.192.045)
14	9. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.1	7.149.539.972	(29.423.679.021)
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	21	(207.510.587.697)	(172.977.525.491)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn	16.2	(4.831.464.167)	(4.324.397.465)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
 Phần II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(191.664.104.520)	(136.198.435.096)
	<i>Trong đó:</i>			
17.1	Chi hoa hồng	8	(57.562.547.904)	(31.042.982.726)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(134.101.556.616)	(105.155.452.370)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(404.006.156.384)	(313.500.358.052)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		87.163.958.590	105.297.302.743
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	22	68.786.224.228	56.824.456.107
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	23	(9.906.041.791)	(11.093.831.377)
25	17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		58.880.182.437	45.730.624.730
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(125.609.219.018)	(116.449.132.661)
30	19. Lãi thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		20.434.922.009	34.578.794.812
31	20. Thu nhập khác		94.733.782	697.412.843
32	21. Chi phí khác		(309.186.967)	(2.500.026.465)
40	22. Lỗ khác	25	(214.453.185)	(1.802.613.622)
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.220.468.824	32.776.181.190
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(9.563.025.569)	(8.795.132.667)
52	25. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	4.656.420.768	603.687.623
60	26. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.313.864.023	24.584.736.146
70	27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	361	631

Bà Vũ Thị Hoàng Anh
 Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
 Kế toán Trưởng



Ông Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí và hoa hồng		528.018.777.675	443.191.553.091
03	2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi		38.242.066.608	32.377.559.933
04	3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác		95.269.135.541	66.107.068.762
05	4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm		(193.437.920.117)	(167.388.630.414)
06	5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm		(191.520.536.935)	(132.597.323.262)
07	6. Trả tiền cho người bán và cung cấp dịch vụ		(50.559.277.885)	(16.502.058.235)
08	7. Trả tiền cho công nhân viên		(60.624.414.370)	(88.215.534.144)
09	8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	26	(6.722.366.983)	(16.723.966.212)
10	9. Trả tiền cho các khoản nợ khác		(101.448.691.559)	(67.701.639.989)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.216.771.975	52.547.029.530
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền thu từ các khoản đầu tư		562.980.922.245	251.384.956.698
22	2. Lãi đầu tư nhận được		57.008.283.408	38.572.667.334
23	3. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	25	-	231.090.909
24	4. Tiền chi cho các khoản đầu tư		(698.773.700.272)	(363.717.818.000)
25	5. Tiền mua tài sản cố định		(1.034.905.749)	(2.906.742.638)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(79.819.400.368)	(76.435.845.697)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	1. Tiền thu từ góp vốn	17	96.386.000.000	69.287.070.000
36	2. Tiền trả cổ tức	18	(19.646.622.893)	(19.701.732.085)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		76.739.377.107	49.585.337.915

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		54.136.748.714	25.696.521.748
60	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá		44.377.966	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	107.179.536.638	81.483.014.890
80	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	161.360.663.318	107.179.536.638



Bà Vũ Thị Hoàng Anh
Người lập



Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng




Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC2/KDBH ngày 7 tháng 1 năm 2015 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có ba mươi (30) chi nhánh đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 682 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 623 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về Chế độ kế toán doanh nghiệp, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ sau:

3.1.1 Thông tư số 194/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC ("Thông tư 194") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 ("Thông tư 124") hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 ("Thông tư 125") của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Thông tư 194 yêu cầu thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

3.1.2 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và sẽ thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 244"). Thông tư này sẽ được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Do ảnh hưởng của các thay đổi theo Thông tư 200 so với Quyết định 15, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được bổ sung mới, sửa đổi; được chia tách, gộp lại hoặc một số mã chỉ tiêu cũng đã được thay đổi. Do vậy, các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại để phù hợp với các quy định của Thông tư 200.

Ngoài ra, Thông tư 200 cũng đã đưa ra một số thay đổi về nguyên tắc hạch toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.2 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế (tiếp theo)

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ trên bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Công ty không trích khấu hao liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	13 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Tài sản thuê

Việc xác định một hợp đồng là, hoặc bao gồm, một khoản đi thuê được dựa trên bản chất của hợp đồng tại ngày hiệu lực và đòi hỏi phải đánh giá xem việc thực hiện hợp đồng có phụ thuộc vào việc sử dụng các tài sản cụ thể và hợp đồng có chuyển giao quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại thành thuê tài chính nếu như các điều kiện cho thuê là về bản chất chuyển giao hết tất cả rủi ro và lợi nhuận của việc sở hữu tài sản cho người đi thuê. Những khoản thuê khác được phân loại thành cho thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

3.9.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên mười hai (12) tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm các cổ phiếu niêm yết và không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.9.1 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Tăng/giảm dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào khoản mục "*Chi phí hoạt động tài chính*" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm mua, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá. Lãi dự thu của chứng khoán (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên các tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được tiếp tục ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên lãi suất danh nghĩa.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xem xét về khả năng giảm giá tại ngày báo cáo. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Công ty phù hợp với Thông tư 228 và Thông tư 89 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 được ban hành bởi Bộ Tài chính. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc theo Bộ Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu (6) tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước và Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125, Công văn số 15393/BTC-QLBH ngày 6 tháng 11 năm 2012 và Công văn số 4693/BTC-QLBH ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc xác nhận việc đăng ký trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Theo Công văn số 4693/BTC-QLBH, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập như sau:

- ▶ Đối với bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt hay đường hàng không, dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng bằng 25% tổng số phí bảo hiểm giữ lại cho các sản phẩm bảo hiểm này trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

- ▶ Đối với những sản phẩm bảo hiểm khác: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/8). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn số 15393/BTC-QLVH ngày 6 tháng 11 năm 2012 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Theo Công văn số 15393/BTC-QLBH ngày 6 tháng 11 năm 2012, dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ và mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% trên tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

- ▶ Quý dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Quý dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Chính phủ.
- ▶ Quý khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên. Theo thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 8 năm 2015, các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động và tổng số chi không quá một (01) tháng lương bình quân thực hiện trong năm tính thuế đều được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Do đó từ năm 2015 trở đi, Công ty không thực hiện việc trích lập quỹ phúc lợi dựa trên lợi nhuận sau thuế. Các khoản chi này sẽ được hạch toán trực tiếp vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) *Doanh thu bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 194 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124 và Thông tư số 125.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào "*Doanh thu chưa thực hiện*" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(iii) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Công ty.

3.16 Ghi nhận chi phí

(i) Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong "Phải thu khác" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Chi hoa hồng

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ kế toán năm và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124 do Bộ Tài chính ban hành. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(iii) Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) *Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)*

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhận tái được ghi nhận và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Sử dụng ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Điều hành phải thực hiện ước tính và đưa ra các giả định ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả và cách công bố các khoản nợ tiềm tàng. Những ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí và các khoản dự phòng tương ứng. Những ước tính này nhất thiết phải được dựa trên các giả định về một số yếu tố liên quan đến mức độ nhận định khác nhau, do đó kết quả thực tế có thể khác nhau và dẫn đến sự thay đổi trong các khoản dự phòng trong tương lai.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	4.080.209.776	2.883.662.356
Tiền gửi ngân hàng (*)	141.280.453.542	104.258.874.282
Tiền đang chuyển	-	37.000.000
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	-
	161.360.663.318	107.179.536.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

(*) Trong đó:

- Bằng VND	139.726.850.850	99.382.211.277
- Bằng Đô la Mỹ	1.553.602.692	4.876.663.005
	<u>141.280.453.542</u>	<u>104.258.874.282</u>

Ngoài ra, trong tiền gửi ngân hàng bao gồm khoản tiền nhận được từ việc phát hành cổ phiếu cho mục đích tăng vốn điều lệ với số tiền là 96.386.000.000 VND (Thuyết minh số 14)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu niêm yết	42.572.839.778	56.011.143.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	4.936.371.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(10.122.352.992)	(10.720.114.237)
	<u>37.276.927.786</u>	<u>50.227.399.763</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Ngắn hạn		
- Tiền gửi (*)	377.310.000.000	215.000.000.000
- Trái phiếu (***)	-	1.000.000.000
Dài hạn		
- Tiền gửi (**)	169.000.000.000	296.500.000.000
- Trái phiếu (***)	121.503.000.000	1.503.000.000
- Đầu tư dài hạn khác (****)	41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	<u>707.310.000.000</u>	<u>553.500.000.000</u>
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính	<u>744.586.927.786</u>	<u>603.727.399.763</u>

(*) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (01) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 6,0% - 12,0%/năm.

(**) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng dài hạn bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại trên một (01) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 5,2% - 9,0%.

(***) Các trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn còn lại từ trên một (01) năm đến ba (03) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 8.5%/năm đến 13%/năm

(****) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 8 tháng 12 năm 2011 cho mục đích triển khai dự án xây dựng được đảm bảo bằng một bất động sản. Hợp đồng hợp tác đầu tư này có thời hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và đã được hai bên đồng ý gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Ban Điều hành của Công ty đánh giá và tin tưởng khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm						Số đầu năm			VND
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại		
Cổ phiếu niêm yết	3.525.297	42.572.839.778	(6.036.102.255)	36.536.737.523	1.893.701	56.011.143.000	(6.523.933.500)	49.487.209.500		
DRH	440.000	4.708.000.000	-	4.708.000.000	-	-	-	-		
DQC	15.000	862.500.000	(7.500.000)	855.000.000	-	-	-	-		
FPT	40.002	1.771.403.731	-	1.771.403.731	160.000	8.360.000.000	(680.000.000)	7.680.000.000		
LDG	490.000	7.421.357.977	(1.688.357.977)	5.733.000.000	-	-	-	-		
NBB	310.550	7.017.857.000	(496.307.000)	6.521.550.000	730.000	14.965.000.000	-	14.965.000.000		
NDN	511.308	5.624.388.000	(255.654.000)	5.368.734.000	-	-	-	-		
BHS	200.000	3.300.200.000	-	3.300.200.000	-	-	-	-		
PET	2	34.128	(7.528)	26.600	129.960	2.993.068.000	(302.896.000)	2.690.172.000		
PPI	749.194	5.430.867.528	(1.460.139.328)	3.970.728.200	-	-	-	-		
PVD	1	87.000	(60.500)	26.500	1	87.000	(22.500)	64.500		
PXI	769.230	6.435.763.922	(2.128.075.922)	4.307.688.000	-	-	-	-		
VIC	6	-	-	-	-	-	-	-		
VNM	4	380.492	-	380.492	40.000	1.854.000.000	-	1.854.000.000		
AAA	-	-	-	-	54.000	6.495.000.000	(1.338.000.000)	5.157.000.000		
CII	-	-	-	-	180.000	2.890.000.000	(388.000.000)	2.502.000.000		
GAS	-	-	-	-	100.000	2.611.151.000	(581.151.000)	2.030.000.000		
ITA	-	-	-	-	20.000	2.100.000.000	(690.000.000)	1.410.000.000		
KBC	-	-	-	-	162.000	1.425.600.000	(129.600.000)	1.296.000.000		
KDC	-	-	-	-	60.000	954.000.000	-	954.000.000		
PVS	-	-	-	-	67.670	3.992.966.000	(616.233.000)	3.376.733.000		
TCM	-	-	-	-	100.000	4.202.600.000	(1.512.600.000)	2.690.000.000		
					90.070	3.167.671.000	(285.431.000)	2.882.240.000		
Cổ phiếu chưa niêm yết	262.758	4.826.441.000	(4.086.250.737)	740.190.263	273.151	4.936.371.000	(4.196.180.737)	740.190.263		
Công ty cổ phần cà phê Petec	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-		
Công ty cổ phần PVOil Nam Định	19.607	196.070.000	(196.070.000)	-	30.000	306.000.000	(306.000.000)	-		
Công ty cổ phần Petec	199.351	4.186.371.000	(3.446.180.737)	740.190.263	199.351	4.186.371.000	(3.446.180.737)	740.190.263		
	3.788.055	47.399.280.778	(10.122.352.992)	37.276.927.786	2.166.852	60.947.514.000	(10.720.114.237)	50.227.399.763		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	34.584.762.735	43.656.186.639
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	29.344.380.526	40.129.435.190
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	23.908.692.572	22.260.201.300
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	993.286.530	652.165.780
Phải thu khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm	96.234.377	96.234.377
	88.927.356.740	106.794.223.286

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng bồi thường	20.059.798.545	11.994.556.967
Tiền lãi dự thu	17.704.400.683	20.416.598.767
Tạm ứng chi phí kinh doanh	7.506.997.481	7.536.339.862
Phải thu đầu tư chứng khoán (T+3)	3.756.299.086	-
Phải thu lãi cổ tức	497.619.820	-
Tạm ứng chi phí phát hành cổ phiếu	100.000.000	2.016.820.285
Các khoản phải thu khác	2.208.648.074	1.728.831.678
	51.833.763.689	43.693.147.559

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ bao gồm các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định tại Thông tư 232.

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Số dư đầu kỳ	26.380.467.129	-
Phát sinh trong kỳ	59.825.053.662	57.423.449.855
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(57.562.547.904)	(31.042.982.726)
Số dư cuối kỳ	28.642.972.887	26.380.467.129

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu năm	21.567.935.706	602.706.032	20.571.090.770	5.073.424.914	47.815.157.422
Mua mới trong năm	-	-	524.425.749	-	524.425.749
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(109.836.000)	(109.836.000)
Số cuối năm	21.567.935.706	602.706.032	21.095.516.519	4.963.588.914	48.229.747.171
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	560.516.832	5.771.991.677	3.400.968.894	9.733.477.403
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	7.111.925.137	562.860.676	9.168.108.620	4.023.785.564	20.866.679.997
Khấu hao trong năm	710.286.012	7.031.532	1.714.127.863	378.775.114	2.810.220.521
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(109.836.000)	(109.836.000)
Số cuối năm	7.822.211.149	569.892.208	10.882.236.483	4.292.724.678	23.567.064.518
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.456.010.569	39.845.356	11.402.982.150	1.049.639.350	26.948.477.425
Số cuối năm	13.745.724.557	32.813.824	10.213.280.036	670.864.236	24.662.682.653

(*) Bao gồm trong giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm cuối kỳ là một căn nhà với giá trị là 4.180.181.819 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Công ty không trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh số 14).

20



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất (*)	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.373.200.000	12.713.119.277	14.086.319.277
Tăng trong năm	850.800.000	-	850.800.000
<i>Mua mới</i>	510.480.000	-	510.480.000
<i>Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	340.320.000	-	340.320.000
Số cuối năm	2.224.000.000	12.713.119.277	14.937.119.277
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	274.640.004	2.911.114.430	3.185.754.434
Hao mòn trong năm	416.440.004	415.873.488	832.313.492
Số cuối năm	691.080.008	3.326.987.918	4.018.067.926
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.098.559.996	9.802.004.847	10.900.564.843
Số cuối năm	1.532.919.992	9.386.131.359	10.919.051.351

(*) Bao gồm trong giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm cuối kỳ là quyền sử dụng đất đi kèm với một căn nhà với giá trị là 4.470.585.373 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác như được trình bày trong *Thuyết minh số 14*.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.191.927.434	4.307.174.994
Công cụ và dụng cụ	1.091.019.302	951.806.745
Khác	138.328.811	260.046.469
	3.421.275.547	5.519.028.208

12. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	60.206.253.841	51.157.309.175
Phải trả nhận tái bảo hiểm	20.179.371.393	29.280.703.097
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	9.261.958.481	5.728.842.611
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	5.113.886.633	4.970.319.048
Phải trả đồng bảo hiểm	94.395.042	12.996.000
Phải trả khác liên quan tới hoạt động bảo hiểm	233.365.727	34.082.846
	95.089.231.117	91.184.252.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 26</i>)	4.624.612.335	1.783.953.749
Thuế giá trị gia tăng	3.367.048.503	3.376.148.659
Thuế thu nhập cá nhân	1.792.282.907	1.502.224.563
Thuế khác	364.109.379	480.560.861
	10.148.053.124	7.142.887.832

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả từ phát hành cổ phiếu (a)	96.386.000.000	69.287.070.000
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (b)	12.362.224.411	9.186.154.299
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (c)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả cổ tức (<i>Thuyết minh số 18</i>)	3.895.914.393	3.361.837.286
Phí tạm thu chờ bóc tách	1.630.125.524	1.072.721.302
Phải trả Quý xe cơ giới	285.608.349	912.560.508
Phải trả phí giám định	677.824.686	794.626.928
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	534.213.579	494.688.487
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	368.176.452	311.216.433
Phải trả khác	3.458.129.754	3.382.147.595
- Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	798.726.532	-
- Phải trả Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	389.173.389	833.313.591
- Phải trả thù lao Hội đồng Quản trị	-	142.898.204
- Phải trả khác	2.270.229.833	2.405.935.800
	128.734.580.784	97.939.386.474

- (a) Đây là số tiền Công ty nhận được từ việc phát hành cổ phiếu cho mục đích tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, do thủ tục báo cáo Bộ Tài chính về việc tăng vốn chưa được hoàn tất nên Công ty chưa ghi nhận tăng vốn điều lệ tương ứng với số vốn góp nhận được (*Thuyết minh số 17.2*).
- (b) Đây là số tiền đã thu đòi bồi thường từ nhà tái bảo hiểm chủ yếu liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- (c) Đây là số tiền Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nên Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (*Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 10*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định Thông tư 232.

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	12.362.427.065	-
Phát sinh trong năm	32.739.015.597	28.745.788.437
Phân bổ vào doanh thu trong năm	<u>(28.693.336.333)</u>	<u>(16.383.361.372)</u>
Số cuối năm	<u>16.408.106.329</u>	<u>12.362.427.065</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

16.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Dự phòng bồi thường chưa giải quyết	Dự phòng bồi thường phát sinh chưa thông báo	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuận	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	
Dự phòng bồi thường	230.300.075.890	(85.271.116.660)	145.028.959.230	172.589.263.633	94.467.686.945
- Dự phòng bồi thường chưa giải quyết	212.225.701.151	(81.691.134.422)	130.534.566.729	156.176.237.393	81.494.494.551
- Dự phòng bồi thường phát sinh chưa thông báo	18.074.374.739	(3.579.982.238)	14.494.392.501	16.413.026.240	12.973.192.394
Dự phòng phí chưa được hưởng	288.735.954.677	(56.501.335.040)	232.234.619.637	258.985.889.098	211.516.713.484
	519.036.030.567	(141.772.451.700)	377.263.578.867	431.575.152.731	305.984.400.429

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

16.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

Trong đó chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	
Dự phòng bồi thường							
Số đầu năm	172.589.263.633	(78.121.576.688)	94.467.686.945	168.918.071.588	(107.545.255.709)	61.372.815.879	
Thay đổi dự phòng trong năm	57.710.812.257	(7.149.539.972)	50.561.272.285	3.671.192.045	29.423.679.021	33.094.871.066	
Số cuối năm	230.300.075.890	(85.271.116.660)	145.028.959.230	172.589.263.633	(78.121.576.688)	94.467.686.945	
Dự phòng phí chưa được hưởng							
Số đầu năm	258.985.889.098	(47.469.175.614)	211.516.713.484	227.109.133.174	(45.697.992.540)	181.411.140.634	
Thay đổi dự phòng trong năm	29.750.065.579	(9.032.159.426)	20.717.906.153	31.876.755.924	(1.771.183.074)	30.105.572.850	
Số cuối năm	288.735.954.677	(56.501.335.040)	232.234.619.637	258.985.889.098	(47.469.175.614)	211.516.713.484	

16.2 Dự phòng dao động lớn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	34.469.105.186	31.281.172.819
Trích lập thêm trong năm	4.831.464.167	4.324.397.465
Sử dụng trong năm	(3.463.376.927)	(1.136.465.098)
Số cuối năm	35.837.192.426	34.469.105.186

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	336.345.000.000	226.755.440	10.212.068.376	25.077.237.375	371.861.061.191
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.584.736.146	24.584.736.146
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	(20.180.700.000)	(20.180.700.000)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	1.229.236.807	(1.229.236.807)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.131.440.000)	(2.131.440.000)
Số cuối năm	336.345.000.000	226.755.440	11.441.305.183	26.120.596.714	374.133.657.337
Năm nay					
Số đầu năm	336.345.000.000	226.755.440	11.441.305.183	26.120.596.714	374.133.657.337
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	15.313.864.023	15.313.864.023
Chi trả cổ tức năm 2014 (*)	-	-	-	(20.180.700.000)	(20.180.700.000)
Thay đổi vốn cổ phần (**)	67.269.000.000	2.018.070.000	-	-	69.287.070.000
Chi phí tăng vốn cổ phần	-	(2.036.820.285)	-	-	(2.036.820.285)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	765.693.201	(765.693.201)	-
Số cuối năm	403.614.000.000	208.005.155	12.206.998.384	20.488.067.536	436.517.071.075

(*) Chi trả cổ tức cho năm 2014 với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015.

(**) Trong năm, Công ty bổ sung vốn điều lệ thêm 69.287.000.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPDDC2/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 7 tháng 1 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần của các cổ đông	403.614.000.000	336.345.000.000

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số tiền theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn cổ phần VND
	VND	%	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	284.961.840.000	70,60	284.961.840.000
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	38.121.600.000	9,45	38.121.600.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	12.540.000.000	3,11	12.540.000.000
Công ty CP May - Xây dựng Huy Hoàng	6.270.000.000	1,55	6.270.000.000
Cổ đông khác	61.720.560.000	15,29	61.720.560.000
	403.614.000.000	100,00	403.614.000.000

Chi tiết số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	40.361.400	33.634.500
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	40.361.400	33.634.500
Cổ phần phổ thông	40.361.400	33.634.500
Số lượng cổ phần đang lưu hành	40.361.400	33.634.500
Cổ phần phổ thông	40.361.400	33.634.500
Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2015 đã thông qua quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu mới. Theo đó, trong năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 9.638.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 96.386.000.000 VND.

Tuy nhiên, vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, do chưa hoàn tất thủ tục xin cấp phép thay đổi vốn điều lệ với Bộ Tài chính nên Công ty chưa ghi nhận tăng vốn điều lệ tương ứng (Thuyết minh số 14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CỔ TỨC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả đầu năm	3.361.837.286	2.882.869.371
Cổ tức đã công bố trong năm	20.180.700.000	20.180.700.000
Cổ tức đã trả trong năm	<u>(19.646.622.893)</u>	<u>(19.701.732.085)</u>
Cổ tức phải trả cuối năm	<u>3.895.914.393</u>	<u>3.361.837.286</u>

Cổ tức phải trả cuối năm là số cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán của các cổ đông không nắm quyền kiểm soát tại ngày báo cáo.

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm gốc	569.266.202.035	506.149.606.364
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	<u>(2.005.775.551)</u>	<u>(7.275.088.287)</u>
	567.260.426.484	498.874.518.077
Phí nhận tái bảo hiểm	35.813.867.966	48.995.887.081
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm nhận tái	<u>(595.136.511)</u>	<u>(769.530.493)</u>
	35.218.731.455	48.226.356.588
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 16.1)	<u>(29.750.065.579)</u>	<u>(31.876.755.924)</u>
	<u>572.729.092.360</u>	<u>515.224.118.741</u>

19.1 Phí bảo hiểm gốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	287.236.810.877	224.528.670.021
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	136.478.098.481	106.503.871.154
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	68.202.543.226	76.595.094.609
Bảo hiểm con người	37.127.271.877	33.776.013.932
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	27.430.663.249	33.158.086.954
Bảo hiểm tàu thuyền	10.537.915.128	24.081.805.945
Bảo hiểm thuyền viên	247.123.646	230.975.462
	<u>567.260.426.484</u>	<u>498.874.518.077</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tiếp theo)

19.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	431.366.299	520.966.271
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	22.296.585.717	27.293.794.019
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	207.634.348	1.337.459.754
Bảo hiểm con người	85.253.961	118.651.750
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	9.823.518.531	16.087.389.735
Bảo hiểm tàu thuyền	2.369.782.134	2.854.559.189
Bảo hiểm thuyền viên	4.590.465	13.535.870
	<u>35.218.731.455</u>	<u>48.226.356.588</u>

20. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	968.730.504	1.279.562.480
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	77.533.643.792	58.443.377.071
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	16.069.674.440	18.242.042.770
Bảo hiểm con người	489.796.773	600.361.749
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	21.917.230.713	27.255.561.454
Bảo hiểm tàu thuyền	2.353.665.047	8.840.222.688
	<u>119.332.741.269</u>	<u>114.661.128.212</u>

21. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường:	184.406.327.356	178.270.274.190
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc	157.924.155.260	151.457.115.656
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	26.482.172.096	26.813.158.534
Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(5.042.115.156)	(8.913.609.516)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(22.414.896.788)	(29.474.010.249)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 16.1)	57.710.812.257	3.671.192.045
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh số 16.1)	(7.149.539.972)	29.423.679.021
	<u>207.510.587.697</u>	<u>172.977.525.491</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

21.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	99.606.243.471	72.643.252.380
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	24.158.440.228	15.658.503.848
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	16.231.310.942	20.553.836.053
Bảo hiểm con người	12.597.035.189	10.223.160.949
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	279.107.908	18.021.330.914
Bảo hiểm tàu thuyền	5.012.117.522	14.231.331.512
Bảo hiểm thuyền viên	39.900.000	125.700.000
	157.924.155.260	151.457.115.656

21.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	138.491.014	209.446.554
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	22.304.543.626	18.623.601.596
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	289.228.043	590.013.165
Bảo hiểm con người	558.508	4.653.054
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.302.517.703	2.250.221.457
Bảo hiểm tàu thuyền	2.446.833.202	5.135.222.708
	26.482.172.096	26.813.158.534

21.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm xe cơ giới	139.758.523	18.174.127
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	15.683.292.053	8.543.820.570
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	5.004.132.810	4.404.846.110
Bảo hiểm con người	1.329.050	574.667.080
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	1.292.086.511	14.627.974.913
Bảo hiểm tàu thuyền	294.297.841	1.304.527.449
	22.414.896.788	29.474.010.249

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi tiền gửi	45.116.472.670	43.547.062.653
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	14.085.070.674	8.765.484.800
Lãi từ đầu tư trái phiếu	5.557.786.999	-
Cổ tức được chia	2.562.707.320	1.201.237.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	405.068.230	408.456.621
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.059.118.335	2.902.215.033
	68.786.224.228	56.824.456.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	9.616.081.923	3.161.494.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá	411.670.789	200.561.807
Phí dịch vụ ngân hàng	326.120.324	372.125.543
Tất toán khoản đầu tư vào quỹ BVF1 (Hoàn nhập)/ trích dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	1.894.728.717
Trích dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(597.761.245)	3.825.535.746
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.503.000.000
	149.930.000	136.385.455
	9.906.041.791	11.093.831.377

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các khoản phụ cấp	64.002.947.563	64.528.545.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.221.937.627	35.925.434.854
Công cụ, dụng cụ	5.948.611.591	7.095.529.896
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.163.496.099	3.256.328.394
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.642.534.013	3.553.881.350
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.409.450.832	1.787.582.864
Thuế và phí	220.241.293	301.829.637
	125.609.219.018	116.449.132.661

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	94.733.782	697.412.843
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	231.090.909
Thu khác	94.733.782	466.321.934
Chi phí khác	(309.186.967)	(2.500.026.465)
Xử lý công nợ tái bảo hiểm	-	(1.385.504.142)
Phạt vi phạm hành chính	(162.446.788)	(130.000.000)
Chi khác	(146.740.179)	(984.522.323)
Lỗ khác	(214.453.185)	(1.802.613.622)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty chuyển sang áp dụng thuế suất 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.563.025.569	8.795.132.667
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.656.420.768)	(603.687.623)
	4.906.604.801	8.191.445.044

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế được trình bày dưới đây:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.220.468.824	32.776.181.190
<i>Điều chỉnh:</i>		
- Điều chỉnh giảm doanh thu phí bảo hiểm gốc theo Thông tư 194	6.666.610.555	-
- Lương hiệu quả cho nhân viên	4.102.212.056	-
- Thay đổi trong dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3.213.038.832	2.376.211.904
- Thay đổi trong dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.211.167.667	1.040.515.952
- Dự phòng khác	2.633.699.000	-
- Thay đổi trong chi phí trích trước	2.240.963.458	55.000.000
- Chi phí không được khấu trừ	1.585.259.472	1.972.744.067
- Thay đổi trong dự phòng trợ cấp thôi việc	952.062.938	(184.202.785)
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	765.693.201	860.000.000
- Thu nhập từ cổ tức	(2.562.707.320)	(1.201.237.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	43.028.468.683	37.695.213.328
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	9.466.263.110	8.292.946.932
Điều chỉnh nghĩa vụ thuế năm trước	96.762.459	502.185.735
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.783.953.749	9.712.787.294
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.722.366.983)	(16.723.966.212)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.624.612.335	1.783.953.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Bảng dưới đây trình bày tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được Công ty ghi nhận và các thay đổi kèm theo trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Điều chỉnh giảm doanh thu phí bảo hiểm gốc theo Thông tư 194	1.333.322.111	-	1.333.322.111	-
Lương hiệu quả cho nhân viên	820.442.411	-	820.442.411	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	817.250.147	522.766.619	294.483.528	522.766.619
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	889.425.617	271.911.292	617.514.325	228.913.510
Dự phòng khác	526.739.800	-	526.739.800	-
Chi phí trích trước	550.192.692	112.200.000	437.992.692	12.100.000
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	530.860.795	374.493.028	156.367.767	(40.524.613)
Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng nhà đất của năm trước chưa được ghi nhận vào thu nhập	797.119.289	876.831.218	(79.711.929)	(119.567.893)
Trích dự phòng trái phiếu Vinashin	300.600.000	-	300.600.000	-
Chi phí trả cho Direct Money	248.670.063	-	248.670.063	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.814.622.925	2.158.202.157	4.656.420.768	603.687.623

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty có các cam kết thuê hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cam kết thuê hoạt động (VND)		
Dưới một (1) năm	7.048.441.275	7.160.410.800
Từ một (1) đến năm (5) năm	9.134.766.768	12.166.726.665
	16.183.208.043	19.327.137.465

Các khoản mục ngoài bảng khác

Ngoại tệ (USD)	70.974	229.533
Hợp đồng chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	47.611.100.365	49.493.227.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2015 như sau:

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Cổ đông lớn	Gửi tiền gửi có kỳ hạn	194.000.000.000
		Thu nhập từ lãi tiền gửi	7.178.626.006
		Nhận vốn góp cổ phần	95.954.890.000
		Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	1.286.208.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Gửi tiền gửi có kỳ hạn	20.042.619.023
		Thu nhập từ lãi tiền gửi	209.052.904
		Phí dịch vụ ngân hàng	100.644.428

Các khoản phải thu và phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán	112.759.680.853
		Tiền gửi có kỳ hạn	184.000.000.000
		Dự thu lãi tiền gửi	5.800.827.600
		Phải trả vốn góp cổ phần	95.954.890.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán	5.598.355.381

Các khoản phải thu và phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

			VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Phải thu</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Cổ đông lớn	Phải thu về phát hành cổ phiếu	2.016.820.285
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	16.000.000.000
		Dự thu lãi tiền gửi	95.812.267
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương	Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000
		Dự thu lãi tiền gửi	51.330.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000
		Dự thu lãi tiền gửi	34.064.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	765.693.201	860.465.765

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Điều hành trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	7.275.128.834	6.981.910.060

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.313.864.023	24.584.736.146
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(765.693.201)</u>	<u>(3.360.676.807)</u>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	14.548.170.822	21.224.059.339
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (cổ phiếu)	40.250.821	33.634.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	361	631

30. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

30.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Công ty từ các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

30.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

30.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam và yêu cầu Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định trong Thông tư 125 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Công ty</i> VND	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu</i> VND	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i> %
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	321.448.248.312	120.786.604.168	266%
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	287.283.296.613	98.448.436.368	292%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

30.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

30.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty thực hiện tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro.

Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết cách thức mà Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

31.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và tổng chi phí cuối cùng là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tổng chi phí bồi thường cuối cùng rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, tổng các nghĩa vụ bảo hiểm cuối cùng sẽ khác nhau do các diễn biến sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 125. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn số 15393/BTC-QLVH ngày 6 tháng 11 năm 2012 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích tụ phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thuyền, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, điều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro.

Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cổ phiếu, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

31.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với Công ty, giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá ngoại tệ và rủi ro giá cổ phiếu.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến danh mục đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Điều hành của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 41.477.636.100 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 33.086.426.763 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 2.708.192.121 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: giảm 5.049.020.950 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 2.160.607.930 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: tăng 5.049.020.950 VND).

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa USD/VND. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng VND đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là USD.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng bồi thường cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các đối tác có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
				VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.360.663.318	-	-	161.360.663.318
Các khoản đầu tư tài chính	666.310.000.000	41.000.000.000	1.503.000.000	708.813.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	546.310.000.000	-	-	546.310.000.000
Trái phiếu (*)	120.000.000.000	-	1.503.000.000	121.503.000.000
Đầu tư khác	-	41.000.000.000	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	47.177.263.482	25.745.460.183	16.004.633.075	88.927.356.740
Phải thu khác	26.090.559.249	-	-	26.090.559.249
Lãi dự thu	17.704.400.683	-	-	17.704.400.683
Tài sản tái bảo hiểm	85.271.116.660	-	-	85.271.116.660
Kỳ quỹ bảo hiểm	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Các khoản kỳ quỹ khác	1.403.157.579	-	-	1.403.157.579
	1.013.317.160.971	66.745.460.183	17.507.633.075	1.097.570.254.229

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

20

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BÁO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị	Bị giảm giá trị riêng lẻ	Tổng cộng
				VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.179.536.638	-	-	107.179.536.638
Các khoản đầu tư tài chính	553.500.000.000	-	1.503.000.000	555.003.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	511.500.000.000	-	-	511.500.000.000
Trái phiếu (*)	1.000.000.000	-	1.503.000.000	2.503.000.000
Đầu tư khác	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	79.749.031.605	16.495.223.251	10.549.968.430	106.794.223.286
Phải thu khác	14.916.443.217	-	-	14.916.443.217
Lãi dự thu	20.416.598.767	-	-	20.416.598.767
Tài sản tái bảo hiểm	78.121.576.688	-	-	78.121.576.688
Kỳ quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	1.264.134.597	-	-	1.264.134.597
	861.147.321.512	16.495.223.251	12.052.968.430	889.695.513.193

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa quá hạn và không giảm giá trị: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

31.2.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Công ty không có đủ lượng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-3 năm	3-5 năm	Trên 5 năm	Không xác định kỳ hạn	Tổng
VND							
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015							
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	161.360.663.318	-	-	-	-	161.360.663.318
Các khoản đầu tư tài chính	42.503.000.000	377.310.000.000	289.000.000.000	-	-	47.399.280.778	756.212.280.778
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	47.399.280.778	47.399.280.778
- Tiền gửi kỳ hạn	-	377.310.000.000	169.000.000.000	-	-	-	546.310.000.000
- Trái phiếu	1.503.000.000	-	120.000.000.000	-	-	-	121.503.000.000
- Đầu tư khác	41.000.000.000	-	-	-	-	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	41.750.093.258	47.177.263.482	-	-	-	-	88.927.356.740
Phải thu khác	-	26.090.559.249	-	-	-	-	26.090.559.249
Lãi dự thu	-	17.704.400.683	-	-	-	-	17.704.400.683
Tài sản tài bảo hiểm	-	85.271.116.660	-	-	-	-	85.271.116.660
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	152.184.123	1.250.973.456	-	-	-	1.403.157.579
	84.253.093.258	715.066.187.515	290.250.973.456	-	8.000.000.000	47.399.280.778	1.144.969.535.007
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả người bán	-	95.089.231.117	-	-	-	-	95.089.231.117
Cổ tức phải trả	-	3.895.914.393	-	-	-	-	3.895.914.393
Dự phòng bồi thường	-	230.300.075.890	-	-	-	-	230.300.075.890
Chi phí trích trước	-	2.750.963.458	-	-	-	-	2.750.963.458
Phải trả khác	-	6.291.638.500	-	-	-	-	6.291.638.500
	-	338.327.823.358	-	-	-	-	338.327.823.358

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đáo hạn theo hợp đồng (tiếp theo)

	Quá hạn	Dưới 1 năm	1-3 năm	3-5 năm	Trên 5 năm	Không kỳ hạn	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	107.179.536.638	-	-	-	-	107.179.536.638
Các khoản đầu tư tài chính	42.503.000.000	215.000.000.000	297.500.000.000	-	-	60.947.514.000	615.950.514.000
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	60.947.514.000	60.947.514.000
- Tiền gửi kỳ hạn	-	215.000.000.000	296.500.000.000	-	-	-	511.500.000.000
- Trái phiếu	1.503.000.000	-	1.000.000.000	-	-	-	2.503.000.000
- Đầu tư khác	41.000.000.000	-	-	-	-	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	27.045.191.681	79.749.031.605	-	-	-	-	106.794.223.286
Phải thu khác	-	14.916.443.217	-	-	-	-	14.916.443.217
Lãi dự thu	-	20.416.598.767	-	-	-	-	20.416.598.767
Tài sản tài bảo hiểm	-	78.121.576.688	-	-	-	-	78.121.576.688
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	76.170.141	1.187.964.456	-	-	-	1.264.134.597
	69.548.191.681	515.459.357.056	298.687.964.456	-	6.000.000.000	60.947.514.000	950.643.027.193
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả người bán	-	91.184.252.777	-	-	-	-	91.184.252.777
Cổ tức phải trả	-	3.361.837.286	-	-	-	-	3.361.837.286
Dự phòng bồi thường	-	172.589.263.633	-	-	-	-	172.589.263.633
Chi phí trích trước	-	510.000.000	-	-	-	-	510.000.000
Phải trả khác	-	2.405.935.800	-	-	-	-	2.405.935.800
	-	270.051.289.496	-	-	-	-	270.051.289.496

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- ▶ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- (i) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- (iii) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▶ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▶ *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

▶ *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ:*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.360.663.318	-	107.179.536.638	-	161.360.663.318	107.179.536.638	
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	42.572.839.778	(6.036.102.255)	56.011.143.000	(6.523.933.500)	41.477.636.100	50.490.209.500	
Cổ phiếu niêm yết	4.826.441.000	(4.086.250.737)	4.936.371.000	(4.196.180.737)	740.190.263	740.190.263	
Đầu tư sẵn sàng để bán	121.503.000.000	(1.503.000.000)	2.503.000.000	(1.503.000.000)	N/A	N/A	
Cổ phiếu chưa niêm yết	377.310.000.000	-	215.000.000.000	-	377.310.000.000	215.000.000.000	
Trái phiếu doanh nghiệp	169.000.000.000	-	296.500.000.000	-	N/A	N/A	
Các khoản cho vay và phải thu	41.000.000.000	-	41.000.000.000	-	N/A	N/A	
Tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	88.927.356.740	(13.506.542.878)	106.794.223.286	(8.343.046.779)	75.420.813.862	98.451.176.507	
Tiền gửi kỳ hạn dài hạn	26.090.559.249	-	14.916.443.217	-	26.090.559.249	14.916.443.217	
Các khoản đầu tư khác	17.704.400.683	-	20.416.598.767	-	17.704.400.683	20.416.598.767	
Phải thu khách hàng	85.271.116.660	-	78.121.576.688	-	85.271.116.660	78.121.576.688	
Phải thu khác	8.000.000.000	-	6.000.000.000	-	N/A	N/A	
Lãi dự thu	1.403.157.579	-	1.264.134.597	-	N/A	N/A	
Tài sản tài bảo hiểm							
Ký quỹ bảo hiểm							
Các khoản ký quỹ khác							
	1.144.969.535.007	(25.131.895.870)	950.643.027.193	(20.566.161.016)			

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của nợ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính					
Ghi nhận theo giá trị phân bổ					
Phải trả người bán	95.089.231.117	91.184.252.777	95.089.231.117	91.184.252.777	
Phải trả cổ tức	3.895.914.393	3.361.837.286	3.895.914.393	3.361.837.286	
Dự phòng bồi thường	230.300.075.890	172.589.263.633	230.300.075.890	172.589.263.633	
Chi phí trích trước	2.750.963.458	510.000.000	2.750.963.458	510.000.000	
Phải trả khác	6.291.638.500	2.405.935.800	6.291.638.500	2.405.935.800	
	338.327.823.358	270.051.289.496	338.327.823.358	270.051.289.496	

(N/A)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo cáo giá của ba (3) công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Nếu cổ phiếu chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán:

VND

	31 tháng 12 năm 2014 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh	31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	708.501.385.063	(40.259.809.737)	668.241.575.326
II. Đầu tư ngắn hạn	306.487.209.500	(306.487.209.500)	-
1. Đầu tư ngắn hạn	313.011.143.000	(313.011.143.000)	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.523.933.500)	6.523.933.500	-
III. Đầu tư ngắn hạn	-	266.227.399.763	266.227.399.763
1. Chứng khoán kinh doanh	-	60.947.514.000	60.947.514.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(10.720.114.237)	(10.720.114.237)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	216.000.000.000	216.000.000.000
IV. Phải thu ngắn hạn	133.784.218.491	8.360.105.575	142.144.324.066
4. Phải thu khác	35.333.041.984	8.360.105.575	43.693.147.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	35.158.016.724	(8.360.105.575)	26.797.911.149
4. Tài sản khác	8.360.105.575	(8.360.105.575)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	350.294.747.352	40.259.809.737	390.554.557.089
III. Đầu tư dài hạn	297.240.190.263	(298.743.190.263)	337.500.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	302.939.371.000	(302.939.371.000)	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.699.180.737)	4.196.180.737	(1.503.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	339.003.000.000	339.003.000.000
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ	684.662.475.078	-	684.662.475.078
I. Nợ ngắn hạn	681.057.055.297	1.883.178.743	682.940.234.040
6. Doanh thu chưa thực hiện	-	1.883.178.743	1.883.178.743
II. Nợ dài hạn	3.605.419.781	(1.883.178.743)	1.722.241.038
3. Doanh thu chưa thực hiện	1.883.178.743	(1.883.178.743)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2016.



Bà Vũ Thị Hoàng Anh
Người lập



Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

